

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG**  
Năm báo cáo: 2019

Tên: B  
Số: 12/2019

## MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
<b>I. Thông tin chung</b>	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Quá trình hình thành và phát triển	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	5
5. Định hướng phát triển	11
6. Các rủi ro	12
<b>II. Tình hình hoạt động trong năm 2019</b>	14
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	14
2. Tổ chức và nhân sự	15
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	29
4. Tình hình tài chính	29
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	31
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	32
<b>III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc</b>	34
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	34
2. Tình hình tài chính	35
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	36
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	37
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	38
<b>IV. Báo cáo của Hội đồng quản trị</b>	38
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội	38
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	39
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	39
<b>V. Báo cáo quản trị Công ty</b>	40
1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	40
2. Ban kiểm soát	41
<b>VI. Báo cáo tài chính</b>	42

**I. THÔNG TIN CHUNG:****1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400259705 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 03/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27/06/2019
- Vốn điều lệ: 15.775.000.000đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 15.775.000.000đồng
- Địa chỉ: 196 Hải Phòng, P.Tân Chính, Q.Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Số điện thoại: 0511.3821785
- Số fax: 0511.3893082
- Website: quanlyduongsatqndn@vnn.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): DNR

**2. Quá trình hình thành và phát triển:**

- Trước năm thành lập: Là Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng thực hiện công tác quản lý bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc nguồn vốn Sự nghiệp kinh tế. Năm thành lập Từ Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng hoạt động theo nguồn vốn Sự nghiệp kinh tế được chuyển thành doanh nghiệp hoạt động công ích theo Quyết định số: 878/1998/QĐ-TCCB-LĐ ngày 17/4/1998.

- Ngày 20/3/2003 Bộ giao thông vận tải Chuyển đổi thành Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng theo Quyết định số: 734/2003/QĐ-BGTVT.

- Ngày 29/6/2010 Hội đồng quản trị Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đã có quyết định chuyển đổi Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng thành Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng theo Quyết định số: 712/QĐ-ĐS.

- Công ty TNHH Một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng có Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 9.574.902.070 đồng (Chín tỷ, năm trăm bảy mươi tư triệu, chín trăm linh hai nghìn, không trăm bảy mươi đồng). Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0400259705 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 03/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 09/09/2013.

- Đến ngày 08/01/2015, Bộ giao thông vận tải có quyết định số:64/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt danh sách doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa.

- Trên cơ sở đặc điểm và tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa, hình thức cổ phần hóa và giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt theo Quyết định số 2351/QĐ-BGTVT ngày 30/6/2015, Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng khi cổ phần hóa là: 15.775.000.000 đồng (Mười lăm tỷ bảy trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0400259705 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27/06/2019.

- Ngày 24/6/2016 là ngày giao dịch đầu tiên của Công ty CP Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng trên thị trường UPCoM.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

TT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
2.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình đường sắt. Xây dựng công trình đường bộ. Quản lý, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.	4210(chính)
3.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp vận tải đường sắt, đường bộ Chi tiết: Tổ chức ứng phó thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông	5221
5.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch	5510
6.	Bán buôn chuyên: doanh khác chưa phân vào đâu	4669
7.	Kiểm tra phân tích kỹ thuật Chi tiết: Thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu	7120
8.	Xây dựng công trình công ích	4220
9.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4690
10.	Hoạt động kiến trúc, tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn đầu tư xây dựng; tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát thi công công trình giao thông, dân dụng.	7110
11.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
12.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
13.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở chính)	2395
14.	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Sản xuất cấu kiện kim loại, kết cấu thép (không hoạt động tại trụ sở chính)	2511
15.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khoáng sản, kim loại (không hoạt	2399



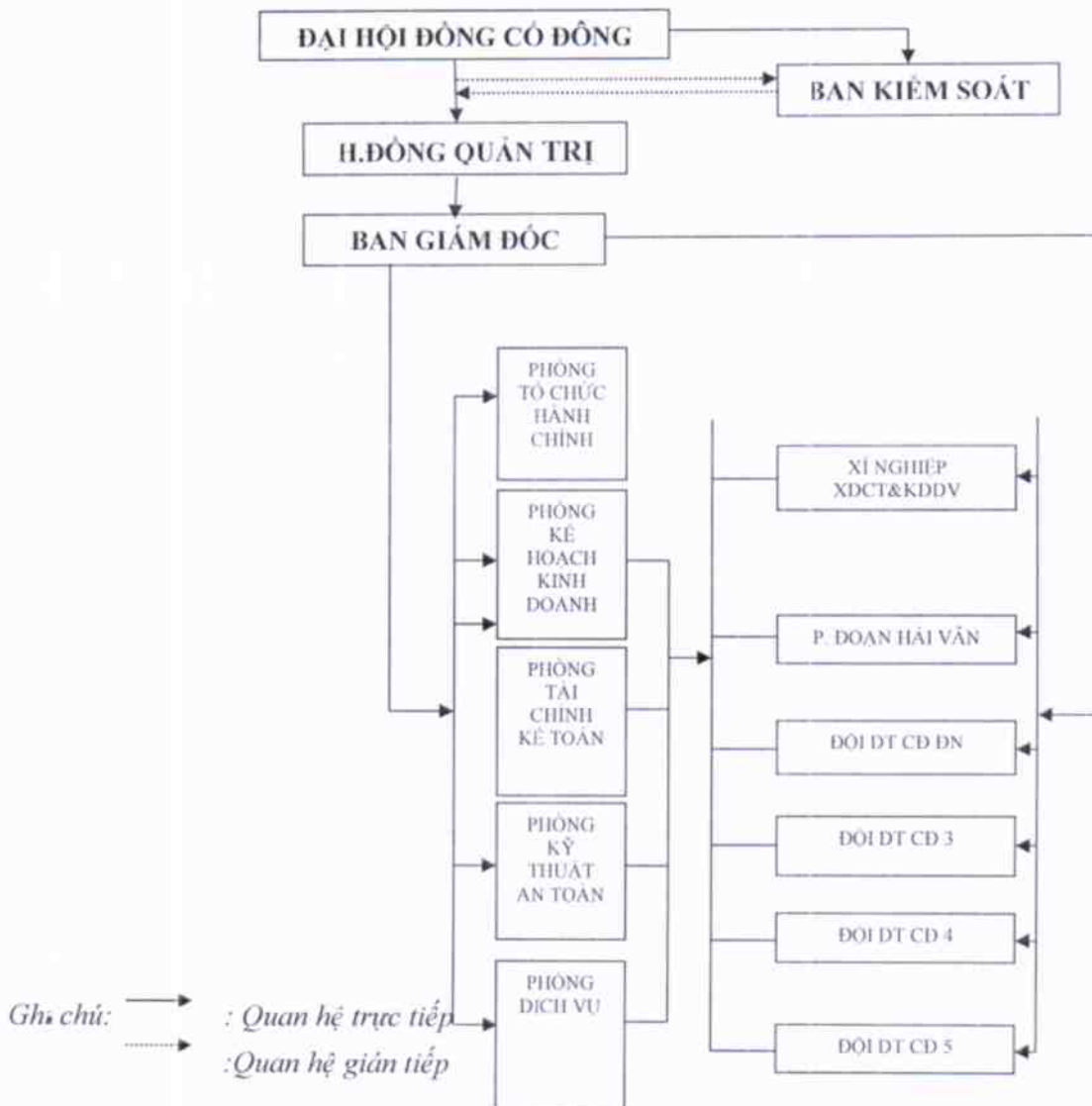
	động tại trụ sở chính)	
16.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng	4752

\* Địa bàn kinh doanh: hoạt động chủ yếu ở tỉnh Quảng Nam, thành phố Đà Nẵng

#### 4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban giám đốc.

#### SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY



\* Bộ máy quản lý của Công ty như sau:

- **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công

ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua: Báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm soát; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; Thông qua số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; Thông qua loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần; ... và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn theo nguyên tắc bầu trực tiếp và bỏ phiếu kín.

- **Ban Kiểm soát:** Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.

- **Ban điều hành:**

+ **Giám đốc:** Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, Giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.

+ Các Phó Giám đốc: Giúp việc cho Giám đốc trong chỉ đạo, điều hành và thực hiện từng lĩnh vực quản lý Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc được ủy quyền.

+ Kế toán trưởng: Giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực tài chính- kế toán của Công ty theo sự phân công của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

**- Các phòng, ban chức năng:**

➤ **Phòng Kỹ thuật – An toàn**

**- Chức năng**

- Chịu trách nhiệm về công tác quản lý kỹ thuật, giám sát an toàn chạy tàu, quản lý đất đai trong phạm vi công ty;
- Xây dựng, phổ biến, kiểm tra thực hiện quy trình quy phạm kỹ thuật;
- Lập phương án, thiết kế sửa chữa, gia cố các công trình dọc tuyến;
- Tham mưu cho giám đốc về công tác đảm bảo ATCT, KHKT, PCBL;
- Tham mưu cho Giám đốc về công tác quản lý phạm vi bảo vệ công trình Đường sắt, hành lang ATGTĐS, giám sát an toàn chạy tàu.

**- Nhiệm vụ**

- Kiểm tra thường xuyên định kỳ, đột xuất trạng thái cầu đường phát hiện kịp thời những biến dạng uy hiếp đến ATCT, tham mưu cho Giám đốc biện pháp xử lý khắc phục để đảm bảo ATCT.
- Tham gia vào công tác điều tra, nghiệm thu SCTX, chỉ đạo thực hiện KHSX
- Lập phương án thi công, biện pháp đảm bảo an toàn cho công tác thi công các công trình.
- Chỉ đạo kỹ thuật, giám sát chất lượng. Nghiệm thu các công trình sửa chữa thường xuyên, khẩn cấp, sửa chữa lớn cầu, đường, ghi.
- Kiểm tra việc thực hiện QTQP của các chức danh tuần gác, các địa điểm thi công trên tuyến.
- Tổ chức hướng dẫn đo đạc, kiểm nghiệm, định lượng các công trình để chủ động trong việc lập hồ sơ hoàn công công trình .
- Hàng quý tổ chức phúc tra để đánh giá trạng thái cầu, đường, ghi và các mặt quản lý khác của các cung cầu, đường, chắn trong công ty.
- Quản lý hồ sơ, lý lịch các công trình cầu, đường, kiến trúc, đất đai trên tuyến
- Lập báo cáo định kỳ về công tác quản lý kỹ thuật.
- Thường trực tổ chức hội nghị ATCT, PCBL, chống xóc lắc của công ty.
- Theo dõi phạm vi bảo vệ Đường sắt và hành lang ATGT đường sắt được quy định trong Luật đường sắt, Nghị định 39/CP và các thông tư nghị định, văn bản khác hướng dẫn về ATGT đường sắt.



- Đôn đốc, nhắc nhở các đơn vị kiểm tra, theo dõi phát hiện, ngăn chặn kịp thời những vi phạm đe dọa đến an toàn các công trình giao thông đường sắt.
- Quan hệ với chính quyền địa phương huyện, quận, xã, phường... phối hợp tuyên truyền đến toàn dân nâng cao ý thức bảo vệ hành lang ATGT đường sắt, ý thức chấp hành luật lệ ATGT đường sắt.
- Tham mưu cho lãnh đạo soạn văn bản báo cáo định kỳ, đột xuất với địa phương, với ngành về công tác ATGT đường sắt.
- Phối hợp với chính quyền địa phương huyện, quận, xã, phường... các lực lượng chức năng khác tuyên truyền, giải toả, xử lý những vi phạm hành lang ATGT đường sắt

➤ **Phòng Kế hoạch kinh doanh**

– **Chức năng**

- Tổ chức, quản lý, điều hành thực hiện công tác kế hoạch phục vụ SXKD của công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc công ty về công tác quản lý vật tư, máy móc thiết bị của công ty.

– **Nhiệm vụ**

- Lập kế hoạch SXKD kế hoạch tác nghiệp kỹ thuật tháng, quý, năm, công tác vật tư, tham mưu cho giám đốc về chiến lược SXKD của Công ty.
- Kết hợp với các đơn vị, các phòng chức năng để thanh toán SCTX tháng, quý, năm và thực hiện nhiệm vụ chung của công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc công ty ký kết các hợp đồng kinh tế về kế hoạch sản xuất, kế hoạch mua sắm vật tư, thiết bị.
- Tham mưu cho giám đốc Công ty về thanh quyết toán các công trình.
- Tham mưu cho giám đốc Công ty thanh lý các hợp đồng kinh tế về xây lắp và mua sắm vật tư, thiết bị.
- Lập các dự án về mua sắm vật tư, thiết bị, dự án xây dựng các công trình.
- Tham gia xây dựng định mức lao động nội bộ công ty.
- Xây dựng nội qui, qui chế về quản lý sử dụng vật tư, thiết bị máy móc trong công ty.
- Phân tích đánh giá báo cáo kết quả về công tác quản lý vật tư thiết bị.
- Đề xuất các phương án nghiên cứu khoa học kỹ thuật cải tiến đổi mới thiết bị.
- Phát hiện đề nghị điều chỉnh hoặc đình chỉ những hoạt động kỹ thuật trái với qui định để phù hợp với tình hình sản xuất của đơn vị.
- Mua sắm, cấp phát vật tư kịp thời cho công tác SCTX và các công trình.
- Quan hệ mật thiết các phòng nghiệp vụ, các đơn vị sản xuất của công ty để thống nhất số liệu, giải quyết tốt những vấn đề về chuyên môn nghiệp vụ.



- o Ngoài ra trực tiếp tham gia mua sắm một số vật tư quan trọng và máy móc thiết bị của công ty.
- o Kiểm soát xuất nhập hàng hoá vật tư sắp xếp hàng hoá trong công ty, tổ chức bốc xếp, vận chuyển vật tư trong nội bộ công ty.
- o Tham gia xây dựng, sửa đổi định mức lao động phù hợp với thực tế của công ty

➤ **Phòng Tổ chức Hành chính**

– **Chức năng**

- o Tham mưu cho Giám đốc về công tác Tổ chức - Cán bộ - Lao động, công tác bảo vệ an ninh trật tự và công tác bảo vệ vật tư, thiết bị đường sắt ở các đơn vị.
- o Tham mưu cho Giám đốc về công tác hành chính, quản trị thi đua khen thưởng, quân sự tự vệ và quản lý nhà ở tập thể, nhà làm việc của công ty.
- o Tham mưu cho Giám đốc công ty về công tác quản lý Y tế và chăm sóc sức khoẻ cho CBCNV.

– **Nhiệm vụ**

- o Chủ trì nghiên cứu đề xuất và chỉ đạo tổ chức thực hiện các công việc được phân công trên cơ sở các quy định của nhà nước của ngành, gồm các việc
- o Xây dựng cơ cấu và tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy sản xuất kinh doanh.
- o Xây dựng cơ cấu lao động, định biên của các đơn vị, bộ phận.
- o Tổ chức việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý lao động
- o Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch lao động tiền lương, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, kế hoạch BHLĐ và các kế hoạch khác theo quy định.
- o Xây dựng nội qui, qui chế phương án làm việc và biện pháp thực hiện.
- o Tham mưu cho lãnh đạo về quản lý nhân lực bố trí đủ, đúng cán bộ, nhân lực cho các phòng, các đội sản xuất thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty.
- o Thường trực Hội đồng xây dựng định mức lao động nội bộ của Công ty.
- o Triển khai hướng dẫn và tổ chức thực hiện các chủ trương chính sách của nhà nước và của ngành về công tác Tổ chức - Cán bộ - Lao động đến toàn thể CBCNV.
- o Quan hệ mật thiết với các phòng ban nghiệp vụ, các đơn vị sản xuất của doanh nghiệp để thống nhất về số liệu giải quyết tốt những vấn đề về nghiệp vụ chuyên môn.
- o Xây dựng kế hoạch công tác bảo vệ an ninh trật tự hàng năm.
- o Quan hệ các đơn vị địa phương để thực hiện tốt công tác bảo vệ đường sắt.
- o Quản lý nghiệp vụ Hành chính, tham mưu và tổ chức thực hiện công tác thi đua khen thưởng, quân sự tự vệ.

- Tham mưu đề xuất và tổ chức thực hiện công tác Lễ nghi, khánh tiết.
- Thường xuyên kiểm tra giám sát tổ, nhóm, cán bộ công nhân viên làm việc hàng ngày, đôn đốc, nhắc nhở, chấn chỉnh kịp thời.
- Tổ chức thực hiện công tác hành chính, văn thư lưu trữ theo quy định.
- Lập kế hoạch tổ chức công tác phục vụ đời sống và mua sắm thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm.
- Phối hợp với các phòng ban tham mưu giúp Giám đốc tổ chức thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt hiệu quả.
- Tăng cường kiểm tra các phương tiện BHLĐ, môi trường và điều kiện làm việc, lao động để giảm bớt tối thiểu về TNLD. Đề xuất các biện pháp phòng và khống chế bệnh nghề nghiệp.
- Thường trực cấp cứu các trường hợp bị tai nạn do bệnh tật, lao động.
- Quản lý sức khoẻ theo đúng đối tượng cùng với y tế tuyến trên khám sức khoẻ định kỳ hằng năm, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, khám tuyển dụng lao động. Lập hồ sơ quản lý sức khoẻ CBCNV.
- Quản lý hồ sơ y tế.
- Quản lý được và tài sản Công ty trang bị cho phòng
- Quản lý các chức danh thuộc phòng quản lý.

➤ **Phòng Tài chính Kế toán**

– **Chức năng**

- Quản lý tài chính của công ty : Quản lý vốn và Quản lý TSCĐ.
- Thống kê hạch toán kinh tế của công ty.

– **Nhiệm vụ**

- Hướng dẫn, đôn đốc; kiểm tra và thu nhập đầy đủ, kịp thời tất cả chứng từ kế toán của công ty.
- Tổ chức mọi công việc kế toán để thực hiện đầy đủ, có chất lượng mọi nội dung công việc kế toán của công ty.
- Giúp giám đốc điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và phân tích mọi hoạt động tài chính của công ty. Kiểm tra kế hoạch thu chi để phát hiện và ngăn ngừa kịp thời những hành động vi phạm chế độ tài chính của nhà nước.
- Tham mưu cho lãnh đạo công ty công tác thu hồi vốn của các công trình trong và ngoài sản xuất chính.
- Ngoài ra còn phải tham gia công tác kiểm kê TSCĐ và tổ chức bảo quản lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán theo qui định.

➤ **Phòng Dịch vụ**

– **Chức năng**

Chịu trách nhiệm về công tác quản lý các loại hình kinh doanh, dịch vụ, thương mại của Công ty như sau: Sân Tennis, sân cầu lông, bóng bàn các nhà khách, nhà nghỉ, các ki ốt, tạp hóa, vật liệu xây dựng, nhà hàng.....

– **Nhiệm vụ**

- Xây dựng phương án, kế hoạch kinh doanh dịch vụ ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.
- Phối hợp với các phòng ban xây dựng quy chế của công ty quản lý kinh doanh dịch vụ.
- Tổ chức thực hiện phương án kinh doanh dịch vụ theo kế hoạch đã được Công ty phê duyệt.
- Thực hiện các quy định về công tác quản lý tài chính, tổ chức nhân sự, kế hoạch, vật tư, máy móc thiết bị... theo pháp luật hiện hành và quy chế của Công ty.
- Sử dụng có hiệu quả các máy móc thiết bị

**5. Định hướng phát triển:**

**- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

+ Đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu, không để tai nạn trở ngại chậm tàu do chủ quan gây ra.

+ Hoàn thành kế hoạch sửa chữa thường xuyên, sửa chữa khẩn cấp đảm bảo an toàn.

+ Tiếp tục duy trì áp dụng và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

+ Giữ vững và nâng cao chất lượng duy tu, bảo quản cầu đường.

+ Thi công các công trình ngoài

+ Đảm bảo an toàn lao động, không để xảy ra tai nạn lao động chết người.

**- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

+ Đến năm 2020: hoàn thành cải tạo, nâng cấp mạng đường sắt hiện có đạt tiêu chuẩn đường sắt quốc gia cấp I, hoàn thành kết nối đường sắt với các cảng biển quốc tế, nhà máy, khu kinh tế, khu mỏ và các trung tâm du lịch lớn...; phấn đấu hoàn thành xây dựng mới tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Đồng Đăng - Hà Nội; nhanh chóng phát triển giao thông vận tải bánh sắt tại các đô thị, trước mắt ưu tiên triển khai tại Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; ưu tiên xây dựng trước một số đoạn tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam; từng bước cải tạo mở rộng các khu đoạn đường sắt đơn hiện có thành đường đôi điện khí hoá và mở rộng các tuyến đường sắt đô thị đáp ứng nhu cầu vận tải nội - ngoại ô cũng như các vùng đô thị lớn;

+ Đến năm 2030: hoàn thành mạng đường sắt đô thị tại Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và triển khai xây dựng tại một số thành phố lớn khác; cơ bản hoàn thành mạng đường sắt cao tốc Bắc - Nam; triển khai xây dựng mạng đường sắt Tây Nguyên, đường sắt nối các tỉnh ven biển đồng bằng Bắc Bộ và đường sắt đến các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.



- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

+ Mục tiêu đối với môi trường: Phát triển bền vững, nhằm đảm bảo giữ cân bằng giữa phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường. Áp dụng các công nghệ sạch, công nghệ ít phế thải, tiêu hao ít phế thải, tiêu hao ít nguyên liệu bằng các trang bị, đầu tư các các thiết bị công nghệ mới, công nghệ tiên tiến.

+ Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng: Tổ chức và tham gia các hoạt động xã hội, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, góp phần tham gia vào sự phát triển của địa phương.

#### 6. Các rủi ro:

##### - Rủi ro kinh tế :

Năm 2019 là một năm đầy bất ổn đối với nền kinh tế thế giới. Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung được xem là yếu tố gây bất ổn lớn nhất đối với kinh tế toàn cầu. Kinh tế thế giới có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn nhiều khó khăn, thách thức và các yếu tố khó lường như bất ổn địa chính trị; chiến tranh thương mại Mỹ - Trung chưa có dấu hiệu hạ nhiệt; chủ nghĩa bảo hộ thương mại, biến động trên thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế gia tăng,...

Ngược lại với xu hướng tăng trưởng toàn cầu, năm 2019 Việt Nam thuộc nhóm các nước tăng trưởng kinh tế cao và ổn định hàng đầu Châu Á, nền kinh tế Việt Nam có một năm thành công khi cả 12/12 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đều đạt và vượt mục tiêu Quốc hội đề ra. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2019 tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước (GDP) tăng 7,02% so với năm 2018, đây là năm thứ hai liên tiếp Việt Nam đạt được mức tăng trưởng trên 7%. Ngoài ra, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2019 chỉ tăng 2,79%, thấp nhất trong 3 năm qua.

Công ty là một cá thể trong nền kinh tế, nên mọi thay đổi, biến động kinh tế vĩ mô trên thế giới và trong nước đều có ảnh hưởng, tác động đến các hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, Công ty luôn thường xuyên cập nhật tình hình kinh tế vĩ mô để đưa ra các định hướng, chiến lược trung và dài hạn cho phù hợp.

##### - Rủi ro đặc thù ngành đường sắt:

+ Ngành đường sắt là ngành luôn có một số đặc thù trong hoạt động quản lý và bảo dưỡng đường sắt như cần có độ chính xác cao, có tính chất lưu động và tồn tại những nguy hiểm độc hại, điều kiện lao động ngoài trời, vừa thi công vừa chạy tàu có thể làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động khi phải làm việc trong tình trạng ô nhiễm. Sản phẩm phải làm đi làm lại nhiều lần, ảnh hưởng đến năng suất lao động, đồng thời có nhiều nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và sự cố.

Dịch vụ vận tải đường sắt của nước ta đã trải qua hơn 100 năm hình thành và phát triển, đây vừa là ưu điểm cũng vừa là khuyết điểm của ngành đường sắt vì các vấn đề về KCHTĐT đã quá lạc hậu như: Bình diện hạn chế, độ dốc dọc lớn, cầu yếu, hầm yếu, ... là những nguyên nhân ảnh hưởng trực tiếp đến việc nâng cao tải trọng, tốc độ chạy của tàu, năng lực thông qua và năng lực

chuyên chở trên các tuyến. Hệ thống thông tin tín hiệu trên các tuyến không đồng bộ về công nghệ, kỹ thuật, mỗi tuyến, khu đoạn lại sử dụng một công nghệ khác nhau,... Hệ thống đường sắt nước ta hiện được vận hành với gần 300 đầu máy đang hoạt động, song phần lớn đều là những đầu máy cũ có tuổi đời từ 30 năm trở lên. Công suất và tốc độ của đầu máy thấp, tiêu hao nhiều nhiên liệu. Toa tàu khách và tàu hàng của đường sắt cũng được khai thác nhiều năm với nhiều chủng loại, gây khó khăn, trở ngại trong vận hành, bảo trì, sửa chữa. Để hạn chế, giảm thiểu rủi ro trên, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam cũng như Công ty đã thực hiện một số biện pháp như: thường xuyên kiểm tra trạng thái cầu, đường, hầm, để kịp thời cải tạo, khôi phục các công trình xung yếu và lập kế hoạch đầu tư nâng cấp; giám sát chặt chẽ và chỉ đạo công tác tổ chức thi công nhằm đảm bảo an toàn, chất lượng và tiến độ thực hiện,...

+ Đối với khách hàng, đường sắt đã ra đời từ rất lâu tại Việt Nam và cũng đã đóng góp một vai trò trong một loại hình dịch vụ di chuyển hoặc vận tải đối với các cự ly trung bình và dài. Tại thời điểm hiện nay, ngành đường sắt chịu áp lực cạnh tranh ngày càng tăng từ hàng không giá rẻ và đường bộ cao tốc về vận tải hành khách, khi các hãng hàng không liên tục ra đời và mở các đường bay ngắn và trung bình, vốn là lợi thế của đường sắt. Về vận tải hàng hoá, đường sắt chịu áp lực cạnh tranh với đường biển và đường bộ. Dẫn tới thị phần vận tải đường sắt liên tục giảm. Hơn thế nữa, vận tải đường sắt kém linh hoạt hơn vận tải đường bộ, tàu hỏa không thể cung cấp dịch vụ đến một địa điểm bất kỳ và chỉ có thể vận chuyển hành khách, hàng hóa từ ga đến ga, theo lộ trình cố định. Vì thế chi phí vận chuyển cũng tương đối cao hơn so với vận tải bằng đường bộ, nên ngành đường sắt cũng phải không ngừng cố gắng để cạnh tranh đáp ứng được các tiêu chí chất lượng, thời gian, an toàn và tiện lợi. Bên cạnh đó, áp lực từ khách hàng về việc kỳ vọng dịch vụ vận tải ngành đường sắt ngày càng cao như: sự an toàn, môi trường, chất lượng, giá dịch vụ,... cũng là yếu tố để ngành đường sắt nói chung và Công ty nói riêng cần phải cải thiện và nâng cao nhiều hơn nữa trong thời gian tới.

+ Đối với các đối thủ cạnh tranh, các công ty đường sắt có cơ chế đấu thầu nhằm tạo tính công khai minh bạch nhằm khắc phục những khó khăn ngân sách nhà nước để đầu tư vào các dự án phát triển đường sắt. Các công ty phải cạnh tranh, khẳng định vị thế và giá trị mang lại đến cho khách hàng.

+ Ý thức của người dân vẫn còn kém khi mà không nhận thức được sự an toàn đã lấn chiếm các làn đường sắt gây ảnh hưởng đến giao thông và có khả năng gây tai nạn cao. Tình trạng người và phương tiện không chấp hành luật lệ giao thông khi qua đường ngang biển báo, tự ý băng qua đường sắt, tự mở lối đi dân sinh đã gây không ít khó khăn cho công tác đảm bảo an toàn chạy tàu.

#### **- Rủi ro giá nguyên vật liệu:**

Trong hoạt động quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt và xây dựng công trình giao thông đường sắt thì các nguyên liệu và vật tư là các chi phí trọng yếu, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí sản xuất của công ty. Vì vậy những thay đổi về các chi phí nguyên liệu đầu vào có thể làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty không được như



mong đợi. Để hạn chế những tác động của rủi ro giá nguyên vật liệu, Công ty luôn giữ mối quan hệ tốt với nhà cung cấp để có nguồn hàng ổn định với mức giá cạnh tranh.

**- Rủi ro luật pháp:**

Công ty hoạt động dưới mô hình là công ty cổ phần, đồng thời đã trở thành công ty đại chúng và được đăng ký giao dịch (UPCOM) trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, nên tất cả mọi hoạt động của Công ty đều được chịu tác động bởi hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Đường sắt,... và các văn bản dưới luật. Trong đó chủ yếu chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và Luật Đường sắt cùng các thông tư, nghị định hướng dẫn thực hiện. Những thay đổi về yếu tố pháp lý luôn ít nhiều làm ảnh hưởng đến công ty. Để hạn chế những rủi ro này, Công ty luôn chú trọng cập nhật và theo dõi những thay đổi pháp luật hiện hành để đưa ra các mục tiêu, kế hoạch phù hợp hoạt động kinh doanh của Công ty.

**- Rủi ro khác:**

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh... là những rủi ro bất khả kháng. Mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về con người, tài sản và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu bằng nhiều cách như: mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản của Công ty, thường xuyên cập nhật tình hình thời tiết, đề ra cách phòng tránh thiên tai, cháy nổ... để ứng phó kịp thời với những trường hợp bất khả kháng, hạn chế tối đa thiệt hại về người và tài sản khi có rủi ro xảy ra..

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019:

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

**\* Tình hình chung của ngành đường sắt năm 2019:**

- Ngành đường sắt tiếp tục nhận được sự giúp đỡ của Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương, cụ thể là những “nút thắt” về kết cấu hạ tầng đường sắt đã được Quốc hội, Chính phủ thông qua chủ trương đầu tư cho giai đoạn 2016 – 2020 và tiếp tục được chuẩn bị kế hoạch cho giai đoạn 2021 – 2025; báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án Đường sắt tốc độ cao đã được trình Chính phủ và nhận được sự quan tâm từ dư luận xã hội.

- Theo báo cáo của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, trong năm 2019 an toàn giao thông đường sắt có những kết quả tích cực thông qua các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước, trong đó đã hoàn thành cải tạo, nâng cấp 270 đường ngang biển báo thành đường ngang có gác hoặc lắp cản chắn tự động. Tình hình trật tự an toàn giao thông đường sắt được kiểm soát. Tính chung cả năm cải thiện tốt hơn so với năm 2018, giảm được cả 3 tiêu chí về số vụ, số người chết, số người bị thương; kiểm soát được tai nạn do chủ quan, giảm tai nạn đặc biệt nghiêm trọng, số vụ sự cố chạy tàu do lỗi chủ quan giảm mạnh gần 17%. Cụ thể như: số vụ tai nạn giao thông đường sắt là 257 vụ, giảm 3 vụ so với năm 2018, trong đó 10 vụ do nguyên nhân chủ quan, không tăng không giảm; 247 vụ do nguyên nhân khách quan, giảm 3 vụ tương đương giảm 1,2%. Số người chết là 110 người giảm 9,84%; số người bị thương là 180 người, giảm 3 người. Sự cố chạy



tàu xây ra 1.021 vụ, giảm 284 vụ, trong đó có 458 vụ là do khách quan, giảm 27% và 563 vụ là do chủ quan, giảm 16,84%.

\* *Bảng cơ cấu doanh thu thuần của Công ty:*

*DVT: Triệu đồng*

Khoản mục	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2019/Năm 2018 (%)
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	129.034	99,78%	132.915	99,77%	103,01%
Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập hoạt động khác	280	0,22%	311	0,23%	111,12%
<b>Tổng cộng</b>	<b>129.314</b>	<b>100,00%</b>	<b>133.226</b>	<b>100,00%</b>	<b>103,02%</b>

Nhìn chung tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty có sự thay đổi tích cực so với năm trước. Cụ thể, doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 132,92 tỷ đồng tăng 3,01% so với cùng kỳ năm 2018. Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập hoạt động khác tăng 11,12% so với năm 2018 đạt 311 triệu đồng. Nhìn chung, doanh thu trong năm 2019 đã đạt kế hoạch đề ra và giữ được mức ổn định.

Mặc dù, giá vốn đầu vào cao chiếm khoảng 83,78% doanh thu thuần, nhưng với chính sách ổn định nguyên liệu đầu vào bởi nguồn một số vật tư do Công ty tự gia công, sản xuất cung cấp để phục vụ cho nhiệm vụ đảm bảo trạng thái kỹ thuật của cầu đường và an toàn giao thông đường sắt, Công ty còn xây dựng các mối quan hệ tốt với các nhà cung ứng, hợp đồng với các nhà cung ứng thông qua chào hàng cạnh tranh rộng rãi theo quy định của Pháp luật, gồm: Công ty cổ phần đá Chu Lai, Công ty cổ phần cơ khí đường sắt Đà Nẵng, Công ty TNHH MTV vật tư Đường sắt Đà Nẵng, Công ty TNHH vật tư Đường sắt Nghệ Tĩnh, Công ty CP cơ khí cầu đường Hà Nội... Vì vậy, giá vốn hàng bán được duy trì ổn định (tăng khoảng 2,64% so với năm trước), nằm trong sự kiểm soát và dự tính của Công ty.

## 2. Tổ chức và nhân sự:

### 2.1 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Tý	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Xuân Phú	Thành viên HĐQT – Giám đốc
3	Ông Huỳnh Văn Sơn	Thành viên HĐQT- Phó GD

## Lý lịch Hội đồng quản trị

<b>Ông: Nguyễn Văn Tý</b>	Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị
Giới tính:	Nam
Ngày sinh	03/07/1960
Số CMND	201358848 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 24/2/2011
Nơi sinh	Khánh Lợi - Tam Điệp - Hà Nam Ninh
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	12-14 Nguyễn Thái Bình, TP ĐN
Số điện thoại liên lạc	0913404632
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư đường sắt
Qua trình công tác:	
- Từ T5/1987-T11/1997	Kỹ thuật viên - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T12/1997- T8/1998	Phó phòng Kỹ thuật - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T9/1998-T5/2001	Phó Giám Đốc Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T6/2001 - T10/2002	Quyền Giám Đốc Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ 11/2002 - T 7/2003	Giám Đốc Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T8/2003 - T12/2010	Giám Đốc Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2011 - T12/2015	Chủ Tịch Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2016 đến nay	Chủ Tịch Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Chủ tịch hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	16.320 CP (chiếm 1,03% VDL)
Số cổ phần đại diện sở hữu nhà nước	402.263 CP (đại diện 50% phần vốn của TCT)

	Đường sắt Việt Nam, chiếm 25,50% Vốn điều lệ )
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Thù lao HĐQT do ĐHCĐ thông qua
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

<b>Ông: Nguyễn Xuân Phú</b>	<b>Chức vụ: Thành viên HĐQT</b>
Giới tính	Nam
Ngày sinh	02/06/1974
Số CMND	201774503 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 25/11/2014
Nơi sinh	Xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, Quảng Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 75 đường Lý Triện- Phường An Khê - Quận Thanh Khê - Thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0945134787
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ chuyên ngành QTKD
<b>Quá trình công tác:</b>	
- Từ T4/1994 - T12/1995	Tập sự kỹ thuật – Xí nghiệp công trình 793- Xí nghiệp Liên hợp công trình Đường sắt
- Từ T1/1996- T12/1996	Cán bộ Kỹ thuật cầu đường sắt; Phó bí thư Đoàn TN- Xí nghiệp công trình 793- Xí nghiệp Liên hợp công trình đường sắt
- Từ T01/1997- T12/1997	Cán bộ Kỹ thuật cầu đường sắt; Bí thư Đoàn TN- Xí nghiệp công trình 793- Xí nghiệp Liên hợp công trình đường sắt
- Từ T1/1998- T3/2001	Phó ban Phụ trách Kế hoạch-Kỹ thuật; UVBCH Đảng bộ bộ phận; Phó BT chi bộ 2; UVBCH Công đoàn; Bí thư Đoàn TN- Xí nghiệp công trình 793- Xí nghiệp Liên hợp công trình đường sắt
- Từ T4/2001- T12/2003	Phó GD Phụ trách Kế hoạch-Kỹ thuật; UVBCH



	Đảng bộ bộ phận; Bí thư chi bộ 2; UVBCH Công đoàn; Bí thư Đoàn TN- Xí nghiệp công trình 793- Xí nghiệp Liên hợp công trình đường sắt
- Từ T1/2004 – T12/2004	Phó phòng kế hoạch- Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Bình
- Từ T1/2005 – T9/2005	Phụ trách phòng kế hoạch- Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Bình
- Từ T10/2005 – T10/2006	Trưởng phòng kế hoạch- Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Bình
- Từ T11/2006 – T06/2011	Trưởng phòng kế hoạch; UVBCH Đảng bộ CT; Phó BT chi bộ cơ quan; UVBCH Công đoàn Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Bình
- Từ T09/2011 – T02/2012	Chuyên viên phòng kế hoạch- Ban Quản lý Dự án Đường sắt Khu vực 2
- Từ T03/2012 – T05/2013	Chuyên viên phòng kế hoạch, Kỹ thuật; Phó chủ tịch Công đoàn Ban Quản lý Dự án Đường sắt Khu vực 2
- Từ T05/2013 – T07/2014	Trưởng phòng Kỹ thuật, tư vấn giám sát; Phó chủ tịch Công đoàn Ban Quản lý Dự án Đường sắt Khu vực 2
- Từ T08/2014 – T05/2015	Phó giám đốc, UV BCH Chi ủy; Phó chủ tịch Công đoàn Ban Quản lý Dự án Đường sắt Khu vực 2
- Từ T06/2015 – T12/2016	Phó giám đốc, Phó bí thư chi bộ; Phó chủ tịch Công đoàn Ban Quản lý Dự án Đường sắt Khu vực 2
- Từ T01/2017 – T06/2019	Phó giám đốc, Phó bí thư chi bộ Ban Quản lý Dự án Đường sắt Khu vực 2
- Từ T07/2019 đến nay	Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty, UV BTV Đảng ủy Công ty CP Đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	Không
Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	402.262 CP (đại diện 50% phần vốn của TCT

	Đường sắt Việt Nam , chiếm 25,50% Vốn điều lệ )
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Thủ lao HĐQT do ĐHCĐ thông qua
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần:	không

<b>Ông: Huỳnh Văn Sơn</b>	<b>Chức vụ: Thành viên HĐQT- kiêm PGD</b>
Giới tính	Nam
Ngày sinh	02/11/1962
Số CMND	200084911 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 15/3/2015
Nơi sinh	Hải Châu 2 - Thành phố Đà Nẵng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	K572/136 Ông Ích Khiêm - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0913403957
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư đường sắt
<b>Quá trình công tác:</b>	
- Từ T5/1982 - t10/1992	Kỹ thuật viên
- Từ T11/1992 - T3/2000	Cán sự phòng Kế hoạch - Xi nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T4/2000 - T7/2003	Phân đoạn phó - Xi nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T8/2003 - T11/2005	Phân đoạn phó - Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T12/2005 - T12/2010	Phó Giám Đốc Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2011 - T12/2015	Phó Giám Đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2016 đến nay	Thành viên HĐQT, Phó Giám Đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên HĐQT, Phó Giám Đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	12.022 CP (chiếm 0,76% VDL)
Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Thù lao HĐQT do ĐHCĐ thông qua
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

## 2.2. Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ
	Nguyễn Xuân Phú	Giám Đốc
2	Huỳnh Văn Sơn	Phó Giám đốc
3	Huỳnh Văn Việt	Phó Giám đốc
4	Trần Minh Nghĩa	Phó Giám đốc
5	Phan Thị Lan Hương	Kế toán trưởng

### Lý lịch Ban điều hành

<b>Ông: Nguyễn Xuân Phú</b>	<b>Chức vụ: Giám đốc</b>
Thông tin đã trình bày ở mục Hội đồng quản trị	

<b>Ông: Huỳnh Văn Sơn</b>	<b>Chức vụ: Phó Giám đốc</b>
Thông tin đã trình bày ở mục Hội đồng quản trị	

<b>Ông Huỳnh Văn Việt</b>	<b>Chức vụ: Phó Giám đốc</b>
Giới tính	Nam
Ngày sinh	09/10/1962
Số CMND	200997091 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 11/01/2011
Nơi sinh	Thị xã Đông Hà
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh



Địa chỉ thường trú	180/18 Ông Ích Khiêm - Phường Tam Thuận - Quận Thanh Khê - Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0913407308
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư kinh tế xây dựng
Quê trình công tác:	
- Từ T8/1981 - T6/1987	Thợ điện Xí Nghiệp Dầu Máy
- Từ T7/1987 - T12/1989	Hợp tác lao động nhà máy xe lửa - Bungari
- Từ T1/1990 - T1/2000	Thợ điện ga Đà Nẵng
- Từ T2/2000 - T3/2001	Nhân viên phòng Vật tư - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T4/2001 - T7/2003	Phó phòng Vật tư - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T8/2003 - T5/2009	Phó phòng Vật tư - Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T6/2009 - T12/2010	Giám Đốc - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2011 - T12/2015	Phó Giám Đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2016 đến nay	Phó Giám Đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Phó giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	14.502CP (chiếm 0,92% VDL)
Số cổ phần đại diện	0 CP
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không
<b>Ông Trần Minh Nghĩa</b>	
Chức vụ:	<b>Phó Giám đốc</b>
Ngày sinh	05-10-1981
Số CMND	201715460 – CA TP Đà Nẵng
Nơi sinh	Đồng Hới – Quảng Bình
Quốc tịch	Việt Nam

Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Tổ 86, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0912147523
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng cầu đường
Quá trình công tác:	
- 10/2004 → 5/2005	Kỹ thuật viên, Đội DTCD Đà Nẵng thuộc Công ty quản lý đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng
- 6/2005 → 02/2012	Chuyên viên Phòng Kế hoạch thuộc Công ty quản lý đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng
- 03/2012 → 02/2016	Phó phòng Kế hoạch thuộc Công ty quản lý đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng.
- 03/2016 → 4/2019	Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh thuộc Công ty CPĐS Quảng Nam – Đà Nẵng.
- 5/2019 → 11/8/2019	Phân đoạn trưởng phân đoạn Hải Vân thuộc Công ty CPĐS Quảng Nam – Đà Nẵng.
- 12/8/2019 → 31/10/2019	Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh thuộc Công ty CPĐS Quảng Nam – Đà Nẵng.
- Từ ngày 01/11/2019 đến nay	Phó Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Phó Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	1.738CP (chiếm 0,11% VDL)
Số cổ phần đại diện	0 CP
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không
<b>Bà Phan Thị Lan Hương</b>	<b>Chức vụ: Kế toán trưởng</b>
Giới tính	Nữ

Ngày sinh	20/12/1976
Số CMND	201245946 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 17/7/2012
Nơi sinh	Tam Phú - Tam Kỳ - Quảng Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	34 Nguyễn Đức Cảnh- Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0905337911
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
- Từ T1/1999 - T5/2002	Kế toán viên - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T6/2002 - T7/2003	Chuyên viên tiền lương - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T8/2003 - T10/2007	Chuyên viên tiền lương - Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T11/2007 - T11/2008	Kế toán viên
- Từ T12/2008 - T12/2010	Phó phòng kế toán
- Từ T1/2011 - T6/2013	Phó phòng kế toán - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T7/2013 - T12/2015	Kế toán trưởng - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2016 đến nay	Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	5.716CP (chiếm 0,36% VDL )
Số cổ phần đại diện	0 CP
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không



## 2.3. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát:

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Trưởng ban kiểm soát
2	Bà Võ Thị Hồng Linh	Thành viên ban kiểm soát
3	Ông Đỗ Quốc Khánh	Thành viên ban kiểm soát

## Lý lịch Ban kiểm soát:

<b>Bà Nguyễn Thị Thu Hương</b>	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
Giới tính	Nữ
Ngày sinh	30/9/1975
Số CMND	201274003 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 18/9/2007
Nơi sinh	Hải Phòng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 77/26D Lê Độ - Phường Tân Chính - Quận Thanh Khê - Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0915852987
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
- Từ T10/1996 - T7/2003	Thống kê - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T8/2003 - T12/2005	Thống kê - Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2006 - T12/2010	Phó phòng Tổng hợp - Xí nghiệp Xây dựng Công trình và Kinh doanh Dịch vụ - Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2011 - T5/2012	Phó phòng Tổng hợp - Xí nghiệp Xây dựng Công trình và Kinh doanh Dịch vụ - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T6/2012 - T12/2015	Kiểm soát viên - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng

- Từ T1/2016 đến nay	Trưởng ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng		
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Trưởng ban kiểm soát		
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không		
Số cổ phần sở hữu cá nhân	3.316CP (chiếm 0,21% VDL)		
Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	0CP		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không		
Những khoản nợ đối với Công ty	Không		
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không		
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần			
<b>Họ tên</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Số CMT</b>	<b>Số cổ phần sở hữu</b>
Phạm Trung Kiên	Chồng	201615005	1.520 cổ phần tương ứng 0,10% / VDL

<b>Bà Võ Thị Hồng Linh</b>	Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát
Giới tính	Nữ
Ngày sinh	23/01/1974
Số CMND	201338948 Công an Đà Nẵng cấp ngày 23/02/2012
Nơi sinh	Bắc Thái, Thái Nguyên
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	180/12 Ông Ích Khiêm, P.Tam Thuận, Q.Thanh Khê, TP Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0912400545
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
- Từ T11/1995 - T3/2002	Chuyên viên phòng Kế hoạch vật tư - Xí nghiệp Toa xe Đà Nẵng
- Từ T3/2002 - T12/2015	Chuyên viên phòng Kế hoạch kinh doanh - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2016 - T9/2017	Chuyên viên phòng Kế hoạch kinh doanh - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt

	Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T9/2017 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhân viên phòng Kế hoạch Kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	1.520 CP (chiếm 0,10% VDL )
Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	0 CP
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không
<b>Ông : Đỗ Quốc Khánh</b>	Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát
Giới tính	Nam
Ngày sinh	02/9/1960
Số CMND	201646325 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 19/3/2009
Nơi sinh	Bệnh viện 108 Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 6 Đường Bầu Hạc 5 - Phường Vĩnh Trung - Quận Thanh Khê - Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0913459889
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư kinh tế vận tải đường sắt
Quá trình công tác:	
- Từ T5/1985 - T3/1987	Tập sự trực ban chạy tàu Ga Đà Nẵng
- Từ T4/1987 - T12/1989	Trực ban chạy tàu Ga Đà Nẵng
- Từ T1/1990 - T3/1993	Nhân viên Kế hoạch vật tư Ga Đà Nẵng
- Từ 4/1993 - T12/1997	Phó phòng Kế hoạch Ga Đà Nẵng
- Từ T11/1998 - T9/2003	Phó phòng Kế hoạch vật tư
- Từ T10/2003- T12/2012	Chuyên viên văn phòng đại diện Tổng công ty DSVN



- Từ T1/2013- T12/2015	Chuyên viên Tổng công ty DSVN - Hà Nội
- Từ 27/12/2015 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát – CTCP Đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng
- Từ 1/1/2016- 31/1/2016	Chuyên viên Phòng Tổng hợp - Xí nghiệp Xây dựng Công trình và Kinh doanh Dịch vụ - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng,
- Từ T2/2016- T3/2016	Chuyên viên Phòng Dịch Vụ - Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T4/2016 đến nay	Phó phòng Dịch Vụ - Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát Phó phòng kinh doanh dịch vụ
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	0 CP
Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	0 CP
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

#### **2.4. Những thay đổi trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành:**

Năm 2019, không có thay đổi trong Ban kiểm soát, còn Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty có thay đổi như sau:

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 22/4/2019: nhất trí thông qua miễn nhiệm ông Nguyễn Xuân Bình và bầu bổ sung Thành viên HĐQT là ông Nguyễn Xuân Phú nhiệm kỳ 2016-2021 và bầu ông Nguyễn Xuân Phú giữ chức Giám đốc Công ty.

- Căn cứ Nghị quyết số 07-19/NQ-HĐQT ngày 08/4/2019 về việc miễn nhiệm chức Phó giám đốc Công ty của ông Kiều Thường.

- Căn cứ Nghị quyết số 21-19/NQ-HĐQT ngày 23/10/2019 về việc bổ nhiệm ông Trần Minh Nghĩa giữ chức Phó Giám đốc Công ty.

**2.5. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:**

\* Số lượng CBCNV trong công ty (đến ngày 31/12/2019):

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>579</b>	
1	Trên đại học		
2	Đại học	49	8,46%
3	Cao đẳng		
4	Trung cấp	7	1,21%
5	CNKT	523	90,33%
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>579</b>	
1	Hợp đồng có xác định thời hạn		
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	579	100,00%
3	Hợp đồng theo thời vụ		
<b>C</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>579</b>	
1	Nam	363	62,69%
2	Nữ	216	37,31%

\* Chính sách đối với người lao động: gồm chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp, ...:

Công ty luôn đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công nhân viên, thực hiện chính sách thu hút lao động. Xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ phục vụ cho công tác quản lý lao động.

Công ty luôn thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với người lao động, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động; xây dựng chính sách lương, thưởng dựa trên năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động, đảm bảo cạnh tranh với các doanh nghiệp trong ngành nhằm động viên, khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc. Công ty thực hiện chế độ khen thưởng theo quy chế khen thưởng của Công ty, của ngành, của Nhà nước.

Đồng thời, Công ty luôn chăm lo phúc lợi xã hội khác cho người lao động như tham quan, nghỉ mát, du lịch; tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao... để nâng cao đời sống tinh thần; tham gia chương trình phúc lợi xã hội khác...

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

Trong năm 2019, Công ty đầu tư thực hiện mua mới một số TSCĐ phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh như sau:

- Máy chèn đường cầm tay NB (02 bộ), tổng giá trị: 895.454.546, đồng
  - Máy chèn đường TQ (01 bộ), tổng giá trị: 248.500.000, đồng
  - Máy siết Bulong TQ (01 cái); tổng giá trị: 121.818.182, đồng
- (Giá trị chưa có thuế VAT)

**4. Tình hình tài chính**

## a) Tình hình tài chính

(DVT: Đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	63.958.962.332	72.456.452.793	113,29%
Doanh thu thuần	129.034.031.073	132.914.508.109	103,01%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.012.302.325	4.361.705.807	87,02%
Lợi nhuận khác	-1.671.099.499	-114.129.535	6,83%
Lợi nhuận trước thuế	3.341.202.826	4.247.576.272	127,13%
Lợi nhuận sau thuế	2.410.911.926	3.387.053.662	140,49%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.061	1.743	164,28%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

## b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	DVT	Năm 2018	Năm 2019
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	1,18	1,19
+ Hệ số thanh toán nhanh [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	lần	0,96	1,03



<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	71,01	72,50
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	244,99	263,59
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	9,64	12,17
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	2,02	1,83
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,87	2,55
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	14,95	20,48
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,77	4,67
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,88	3,28

- Về khả năng thanh toán: Trong năm 2019, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty ở mức tốt (lớn hơn 1), thể hiện rằng Công ty luôn đảm bảo khả năng thanh toán đối với các khoản nợ ngắn hạn của Công ty. Cụ thể, khả năng thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,18 lên 1,19 lần trong năm 2019, và khả năng thanh toán nhanh từ 0,96 lên 1,03 lần tuy không đáng kể nhưng vẫn luôn giữ mức ổn định.

- Về cơ cấu vốn: Hệ số nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu của Công ty đều tăng so với năm 2018 lần lượt là 1,49% và 18,6%, chủ yếu nhờ Công ty gia tăng thêm các công trình ngoài dẫn đến tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

- Về khả năng năng lực hoạt động: Các chỉ số về năng lực hoạt động của Công ty trong năm có xu hướng giảm nhẹ, nguyên nhân là do chi phí các nguyên vật liệu tăng để đảm bảo an toàn chạy tàu và hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Về khả năng sinh lời: Hầu hết các chỉ tiêu về khả năng sinh lời như: ROS, ROE, ROA của Công ty trong năm 2019 đều tăng so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ tiêu ROE tăng nhiều nhất với mức tăng 5,53%, tiếp theo là ROA và ROS tăng lần lượt 0,9% và 0,68%, thể hiện rằng doanh thu thuần của Công ty luôn tăng trưởng ổn định và quản lý hiệu quả các chi phí, dẫn đến lợi nhuận sau thuế tăng so với năm 2018, đạt giá trị 3,387 tỷ đồng.

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu****5.1. Cổ phiếu:**

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 1.577.500 CP
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 0 CP
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 CP
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/CP

**5.2. Cơ cấu cổ đông:**

\* Cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty gồm 01 cổ đông:

Tên Cổ đông là: Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, chiếm giữ 51% vốn CP

Địa chỉ: 118 Lê Duẩn, TP Hà Nội.

\* Cơ cấu cổ đông:

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
<b>1. Cổ đông Nhà nước:</b>	<b>804.525</b>	<b>51,06%</b>			<b>804.525</b>	<b>51,00%</b>
<b>2. Cổ đông nội bộ:</b>						
(Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng)	<b>67.840</b>	<b>4,31%</b>			<b>67.840</b>	<b>4,30%</b>
<b>3. Cổ đông trong công ty:</b>	<b>666.854</b>	<b>42,32%</b>			<b>666.854</b>	<b>42,27%</b>
Cổ phiếu quỹ						
Cán bộ công nhân viên	666.854	42,32%			666.854	42,27%
<b>4. Cổ đông ngoài công ty:</b>	<b>36.581</b>	<b>2,32%</b>	<b>1.700</b>	<b>100,00%</b>	<b>38.281</b>	<b>2,43%</b>
Cá nhân	36.581	2,32%	1.700	100,00%	38.281	2,43%
Tổ chức	0					
<b>Tổng</b>	<b>1.575.800</b>	<b>100,00%</b>	<b>1.700</b>	<b>100,00%</b>	<b>1.577.500</b>	<b>100,00%</b>

Tổng công ty Đường sắt Việt Nam là cổ đông sở hữu cổ phần chi phối (51%) đối với Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng

**5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Trong năm 2019 Công ty không có sự thay đổi vốn đầu tư nào của chủ sở hữu.

**5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Công ty không có cổ phiếu quỹ.

**5.5. Các chứng khoán khác:** không có đợt phát hành chứng khoán khác thực hiện trong năm.

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

### 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Nguồn nguyên vật liệu đầu vào chính của Công ty chủ yếu là các vật tư chuyên ngành được cung cấp bởi các Công ty trong ngành đường sắt, là các đơn vị được công nhận cung cấp vật tư đường sắt và nhập khẩu được kiểm soát nghiêm ngặt bởi Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty đường sắt Việt Nam và Công ty trước khi đưa vào sử dụng công trình như: ray, ghi, tà vẹt bê tông dự ứng lực, tà vẹt gỗ, đá balats... Còn đối với vật tư đầu vào để công ty sản xuất các cấu kiện bê tông cốt thép, gia công cấu kiện sắt thép, biển báo... như: cát, đá, xi măng, sắt thép, sơn... được mua tại các đơn vị có uy tín và được kiểm nghiệm đầy đủ trước khi đưa vào sản xuất. Vì vậy, quy trình sản xuất các sản phẩm của Công ty được đảm bảo từ đầu vào đến đầu ra.

Công ty luôn thực hiện tốt các quy định về công tác quản lý, nhập xuất vật tư, thành phẩm.

### 6.2. Tiêu thụ năng lượng:

Công ty chú trọng công tác kiểm soát định mức sử dụng năng lượng, đánh giá sử dụng năng lượng được thực hiện định kỳ nhằm tìm hiểu nguyên nhân, đưa ra hướng khắc phục nếu việc sử dụng năng lượng có hiện tượng bất thường. Năng lượng công ty sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt của cán bộ công nhân viên khi làm nhiệm vụ chủ yếu gồm: Xăng, dầu diezen, dầu nhớt, điện

Trong đó:

- Xăng: khoảng 18.410 lít được sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô, xe tải, máy thi công đường sắt, goòng.
- Dầu diezen: khoảng 84.236,2 lít được sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô, xe tải, máy thi công đường sắt, goòng, máy thay tà vẹt, máy chèn đường, máy đa năng...
- Dầu nhớt, nhớt các loại: khoảng 3.685,9 lít được sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô, xe tải, máy thi công đường sắt, goòng.
- Điện: khoảng 286.470 KWh phục vụ sản xuất cho Cơ quan và các đơn vị trong toàn công ty.

### 6.3. Tiêu thụ nước:

Công ty đã ký hợp đồng mua nước tại các công ty cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, thành phố Đà Nẵng để phục vụ nước sinh hoạt cho các đơn vị trong toàn Công ty, Đối với những khu vực (đặc biệt trên đèo Hải Vân) không có nước sạch Công ty cung cấp thiết bị lọc nước nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

Lượng nước sử dụng trong năm 2019 khoảng: 8.127m<sup>3</sup>.

### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn tuân thủ nghiêm pháp luật về bảo vệ môi trường, phổ biến đầy đủ các văn bản pháp luật liên quan bảo vệ môi trường đến toàn thể cán bộ công nhân viên, hướng ứng, thực hiện nhiều chiến dịch bảo vệ môi trường như ngày môi trường thế giới 05/6, ngày môi trường đường sắt 5.11 và các chiến dịch khác về bảo vệ môi trường do ngành và nhà nước phát động.

Trong năm 2019, Công ty không để xảy ra các sự cố liên quan đến môi trường hay các



trường hợp vi phạm về môi trường dẫn đến bị xử phạt.

#### **6.5. Chính sách liên quan đến người lao động**

##### **\* Chính sách đào tạo:**

CBCNV của Công ty đều được đào tạo đầy đủ, Công ty thường tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân.

- Đối với cấp quản lý, Công ty cử cán bộ tham gia các lớp học của Tổng công ty đường sắt Việt Nam, các cơ quan Nhà nước... nhằm nâng cao nghiệp vụ và nắm bắt các chế độ chính sách mới của Nhà nước.

Đối với cán bộ quản lý, Công ty có những chính sách sau:

- + Thực hiện quy hoạch cán bộ nguồn và dài hạn;
- + Ưu tiên đào tạo nâng cao lớp cán bộ trẻ để thay thế dần số cán bộ cao tuổi;
- + Hàng năm gửi các cán bộ đi học để chuẩn hoá cán bộ.

- Đối với công nhân mới tuyển dụng đã qua trường lớp cơ bản, hàng năm Công ty có gửi đi đào tạo lại để nắm bắt kỹ thuật mới.

##### **\* Chế độ khen thưởng:**

Chế độ khen thưởng cho CBCNV của Công ty gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và năng suất lao động của mỗi CBCNV cho mỗi sản phẩm hoặc kết quả từng công đoạn sản phẩm, công trình. Về quy định chung, Công ty có các chế độ cơ bản như sau:

- + Thưởng cho các đơn vị, cá nhân CBCNV Công ty có thành tích xuất sắc trong năm, thương sáng kiến cải tiến kỹ thuật làm lợi cho Công ty;
- + Thưởng các tập thể, cá nhân ngoài ngành đường sắt, ngoài Công ty có nhiều thành tích đóng góp thiết thực trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

##### **\* Các chế độ bảo hiểm**

+ Mọi CBCNV Công ty đều được đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và hưởng các trợ cấp xã hội phù hợp với Luật Lao động.

+ Công ty hoạt động SXKD trong lĩnh vực giao thông đường sắt là chủ yếu, với phạm vi hoạt động trải dài từ đỉnh đèo Hải Vân đến Núi Thành (qua thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam) nhưng Công ty đã bố trí hợp lý cho CBCNV trong Công ty đều có chỗ ở ổn định, tạo điều kiện yên tâm công tác cho CBCNV.

##### **\* Sinh hoạt đoàn thể:**

+ Tại Công ty, các tổ chức như công đoàn, Đảng uỷ và đoàn thanh niên tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật. Các tổ chức này đều trực thuộc các tổ chức đoàn thể Tổng công ty đường sắt Việt Nam, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động sinh hoạt đoàn thể nhằm tạo không khí vui tươi, thân thiện cho toàn thể CBCNV.

+ Hàng năm, Công ty đều tổ chức các hoạt động thể thao cho CBCNV như: Tổ chức ngày hội thể thao của Công ty, tổ chức ngày tết Trung thu cho các cháu thiếu nhi, kỷ niệm ngày 8/3, 20/10

cho chị em nữ CNVC Công ty và thực hiện chế độ nghỉ mát, nghỉ dưỡng sức cho một số CBCNV, tổ chức khám bệnh định kỳ...

#### 6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn đặc biệt chú trọng tổ chức các hoạt động cứu trợ xã hội, từ thiện, nuôi dưỡng các mẹ Việt Nam anh hùng..., cụ thể phụng dưỡng 02 mẹ Việt Nam anh hùng, tham gia với khối sản xuất kinh doanh – Dịch vụ Trung ương đóng trên địa bàn Tỉnh, thành phố xây dựng nhà tình nghĩa; đóng quỹ xã hội ngành đường sắt và ủng hộ đồng bào lũ lụt Miền Trung và ủng hộ các hoạt động xã hội nhân đạo khác.... qua đó xây dựng tinh thần hỗ trợ, đùm bọc trong tập thể CBCNV Công ty với nhau và với xã hội.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

(DVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		Tỷ lệ %	
		Kế hoạch	Thực hiện	TH2019/TH2018	TH2019/KH2019
Doanh thu thuần	129.034	130.812	132.915	103,01%	101,61%
Giá vốn hàng bán	108.490	109.676	111.356	102,64%	101,53%
Doanh thu hệ tài chính	130	140	181	139,34%	129,46%
Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý DN	15.662	17.000	17.378	110,96%	102,22%
Lợi nhuận từ HĐKD	5.012		4.362	87,02%	
Thu nhập khác	150	162	130	86,61%	80,10%
Chi phí khác	1.821	338	244	13,39%	72,16%
Lợi nhuận khác	-1.671		-114	6,83%	
Lợi nhuận trước thuế	3.341	4.100	4.248	127,13%	103,60%
Lợi nhuận sau thuế	2.411	3.278	3.387	140,49%	103,33%
EPS (đồng/cổ phiếu)	1.061		1.743		

Năm 2019, Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng đã hoàn thành kế hoạch đề ra, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tăng so với năm 2018. Cụ thể, doanh thu

thuần đạt khoảng 132,92 tỷ đồng tăng 3,01% so với cùng kỳ năm trước; lợi nhuận trước thuế đạt mức 4,248 tỷ đồng tăng 27,13% so với cùng kỳ năm trước. Mặt khác, giá vốn hàng bán cũng tăng tương ứng 2,64% đạt 111,36 tỷ, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng 10,96% đạt khoảng 17,38 tỷ so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu thuần tăng đạt 101,61% so với kế hoạch đặt ra, lợi nhuận sau thuế đạt 140,49%, tăng 40,49% so với cùng kỳ năm trước, và đạt 103,33% so với kế hoạch được giao khoảng 3,39 tỷ đồng. Từ đó cho thấy sự nỗ lực không ngừng trong công tác kiểm soát các chi phí đầu vào, chi phí quản lý, chi phí khác,... của Công ty và đã có nhiều chuyển biến tích cực.

## 2. Tình hình tài chính:

### 2.1. Tình hình tài sản:

(DVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ trọng năm 2018	Tỷ trọng năm 2019	TH2019/TH2018
Tài sản ngắn hạn	53.708	62.592	83,97%	86,39%	116,54%
Tài sản dài hạn	10.251	9.864	16,03%	13,61%	96,23%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>63.959</b>	<b>72.456</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>	<b>113,29%</b>

Trong năm 2019, tình hình tài sản của Công ty có sự thay đổi so với năm trước, cụ thể mức tổng tài sản là 72,46 triệu đồng. Trong đó:

- Tài sản ngắn hạn đạt 62,59 triệu đồng tăng 16,54% so với năm trước. Nguyên nhân là do khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng 32,83% từ 38,47 tỷ đồng lên 51,10 tỷ đồng so với năm 2018. Bên cạnh đó, tài sản ngắn hạn giảm một phần là do lượng hàng tồn kho giảm 18,3% so với năm 2018.

- Tài sản dài hạn chủ yếu là phần giá trị các tài sản cố định hữu hình, cụ thể như sau:

(DVT: đồng)

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
1. Nhà cửa, VKT	10.599.231.695	3.247.926.482	30,64%
2. MMTB	9.611.533.815	3.320.933.822	34,55%
3. Phương tiện VT	7.018.403.159	1.335.651.807	19,03%
4. Thiết bị c.cụ QL	363.454.546	225.049.364	61,92%
<b>Cộng</b>	<b>27.592.623.215</b>	<b>8.129.561.475</b>	<b>29,46%</b>



Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất	1.166.108.557	1 090.378.296	93,51%
<b>Cộng</b>	<b>1.166.108.557</b>	<b>1 090.378.296</b>	<b>93,51%</b>

Tài sản dài hạn năm 2019 giảm 3,77% so với năm 2018, đạt 9,86 tỉ đồng. Tài sản dài hạn giảm trong năm chủ yếu là do trích khấu hao TSCĐ.

### 2.2. Tình hình nợ phải trả:

(ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ trọng năm 2018	Tỷ trọng năm 2019	TH2019/TH 2018
Nợ ngắn hạn	45.420	52.529	100,00%	100,00%	115,65%
Nợ dài hạn	0	0	0,00%	0,00%	0,00%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>45.420</b>	<b>52.529</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>	<b>115,65%</b>

Trong năm 2019, tình hình nợ phải trả có xu hướng tăng so với năm 2018, mức tổng nợ phải trả trong năm 2019 đạt 52,53 tỷ đồng tăng 15,65% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: 100% chủ yếu là các khoản Nợ ngắn hạn.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Ứng dụng công nghệ mới trong XDCB và bảo dưỡng kết cấu hạ tầng: Sử dụng máy chèn đường của Áo, máy chèn đường của Pháp, máy sàng đá, các máy răng mối gục, máy siết bu lông, máy thay tà vẹt bê tông...

- Cải tiến công cụ lao động, đưa tỷ lệ sử dụng các máy móc thay thế dần lao động chân tay.

- Áp dụng thành quả của công nghệ thông tin trong công tác thống kê và ứng dụng các phần mềm trong quản lý và trao đổi thông tin.

- Đưa công tác thống kê theo dõi và phân tích để tìm nguyên nhân và nghiên cứu khắc phục các điểm xóc lắc đảm bảo cầu đường êm thuận; an toàn.

- Đưa nhanh các ứng dụng tin học vào công tác quản lý điều hành sản xuất. Khai thác triệt để các phần mềm ứng dụng hiện có, thường xuyên cập nhật phần mềm mới. Đi sâu vào khai thác mạng internet phục vụ cho công việc; trao đổi thông tin qua internet giao ban trực tuyến với 5 điểm cầu trong công ty...

- Đổi mới công tác quản lý, tạo sự thống nhất giữa cầu và đường, kết hợp đánh giá kết quả lao động và thu nhập cá nhân.

- Nâng cao hiệu quả quản lý công tác tuần đường, tuần hầm, tuần cầu, gác chắn đường ngang; đề xuất việc hoàn thiện các quy trình quản lý tuần đường, tuần cầu hầm các quy trình bảo

duỡng cầu, đường, tiêu chuẩn nghiệm thu cầu, đường, ghi phù hợp với kết cấu mới và khả năng khai thác tuyến đường cũng như một số quy trình quản lý các hạng mục kiến trúc khác.

- Công tác quản lý kỹ thuật, tiền vốn, vật tư, lao động ... phát triển theo hướng cơ chế khoán, kế quả là nâng cao trách nhiệm, năng lực và thể chủ động trong quá trình sản xuất của các đơn vị cấp dưới, phát huy hiệu quả đầu tư nâng cao chất lượng cầu đường.

- Tiến hành đào tạo và đào tạo lại đối với cán bộ quản lý kỹ thuật về kiến thức quản lý kỹ thuật, kiến thức pháp luật và đặc biệt chú trọng việc cập nhật kiến thức. Phấn đấu xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế và công nhân lành nghề có trình độ kỹ năng chuyên sâu có khả năng nắm bắt các thao tác, vận hành máy móc thiết bị và các ứng dụng mới. Đội ngũ kỹ sư của Công ty sử dụng thành thạo vẽ kỹ thuật trên máy vi tính nên việc thiết kế các bản vẽ thi công hay thiết kế tổ chức thi công các công trình được nhanh chóng; thuận lợi, đáp ứng yêu cầu các về kỹ thuật.

#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển ngành giao thông vận tải đường sắt đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, về kết cấu hạ tầng như sau

- Mục tiêu cụ thể:

+ Đến năm 2020: hoàn thành cải tạo, nâng cấp mạng đường sắt hiện có đạt tiêu chuẩn đường sắt quốc gia cấp I, hoàn thành kết nối đường sắt với các cảng biển quốc tế nhà máy khu kinh tế, khu mỏ và các trung tâm du lịch lớn...; phấn đấu hoàn thành xây dựng mới tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Đồng Đăng - Hà Nội; nhanh chóng phát triển giao thông vận tải đường sắt tại các đô thị, trước mắt ưu tiên triển khai tại Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; ưu tiên xây dựng trước một số đoạn tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam; từng bước cải tạo mở rộng các khu đoạn đường sắt đơn hiện có thành đường đôi điện khí hoá và mở rộng các tuyến đường sắt đô thị đáp ứng nhu cầu vận tải nội - ngoại ô cũng như các vùng đô thị lớn.

+ Đến năm 2030: hoàn thành mạng đường sắt đô thị tại Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và triển khai xây dựng tại một số thành phố lớn khác; cơ bản hoàn thành mạng đường sắt cao tốc Bắc - Nam; triển khai xây dựng mạng đường sắt Tây Nguyên, đường sắt nối các tỉnh ven biển đồng bằng Bắc Bộ và đường sắt đến các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

- Quy hoạch phát triển:

+ Đến năm 2020, hoàn thành xây dựng: Cải tạo, nâng cấp các tuyến hiện có. Một số đoạn tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam, tuyến đường sắt Yên Viên - Phú Lại - Hạ Long - Cái Lân, Biên Hoà - Vũng Tàu, tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, tuyến đường sắt Đồng Đăng - Hà Nội, tuyến đường sắt phục vụ khai thác Bô xít (Đăk Nông - Bình Thuận), tuyến đường sắt Eĩ An - Lộc Ninh, tuyến đường sắt Vũng Áng - Mụ Giạ, khôi phục tuyến đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt, nghiên cứu xây dựng tuyến đường sắt Đông Hà - Lao Bảo; các tuyến đường sắt kết nối các cảng biển, các khu công nghiệp, kinh tế, hầm mỏ mới hình thành: cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong, cảng Cái Mép - Thị Vải, mỏ sắt Thạch Khê,



bộ xit Tây Nguyên...; mạng đường sắt đầu mối: Hà Nội (vành đai phía Đông), thành phố Hồ Chí Minh (vành đai phía Tây), Hải Phòng, Đà Nẵng, Diêu Trì; hoàn thành xây dựng một số tuyến chính đường sắt đô thị, đường sắt liên vùng vùng Thủ đô Hà Nội và vùng thành phố Hồ Chí Minh.

+ Đến năm 2030, hoàn thành xây dựng: Mạng đường sắt Tây Nguyên bao gồm trục chính: Đà Nẵng - Kon Tum - Đắk Lắk - Buôn Ma Thuột - Chơn Thành - thành phố Hồ Chí Minh và các tuyến nhánh Buôn Ma Thuột - Tuy Hoà, Đắk Nông - Bình Thuận; Những đoạn tuyến còn lại trong mạng đường sắt cao tốc Bắc - Nam; Mạng đường sắt đô thị tại thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh; Hành lang đường sắt ven biển Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh, Hạ Long - Móng Cái; Các tuyến Lạng Sơn - Quảng Ninh (Mũi Chùa), Nam Định - Thịnh Long, Mỹ Lý - Tân Kỳ...

#### **5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:**

Với mục tiêu phát triển bền vững là trọng tâm gắn liền hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban lãnh đạo công ty chủ trương toàn bộ cán bộ công nhân viên phải luôn đi đầu trong các hoạt động bảo vệ môi trường và xã hội bằng những hành động thiết thực và hiệu quả như tuyên truyền nâng cao nhận thức về ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng, tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn phòng cháy chữa cháy trong tất cả các hoạt động của công ty.

### **IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ :**

#### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:**

##### **1.1. Tổng quan:**

Năm 2019, Công ty Cổ phần đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn thách thức; đặc biệt việc cạnh tranh thị phần giữa các phương thức vận tải đường hàng không, đường bộ, đường sắt ngày càng gay gắt; Đặc biệt trong năm 2019 sự cố tai nạn GTĐS có chiều hướng tăng, thiên tai, thời tiết diễn biến phức tạp trên các tuyến đường sắt đã ảnh hưởng không nhỏ đến SXKD của các đơn vị đường sắt.

Về phía Công ty, năm 2019 là năm thứ tư chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần có vốn chi phối của Nhà nước có nhiều thay đổi về quản trị doanh nghiệp, cơ cấu lại tổ chức với rất nhiều khó khăn của đất nước và của ngành đường sắt. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Đường sắt QNĐN với sự đồng hành, chia sẻ của Quý cổ đông, cùng với những giải pháp đúng đắn, sự chi đạo quyết liệt của Ban điều hành Công ty và sự đoàn kết quyết tâm vượt qua mọi khó khăn thử thách của tập thể CBCNV, đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch SXKD mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã thông qua.

##### **1.2. Những kết quả đạt được:**

Năm 2019 mặc dù trong bối cảnh chung hết sức khó khăn của nền kinh tế và các doanh nghiệp làm công tác bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, nhưng với những giải pháp đúng đắn Công



ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019. Bên cạnh việc luôn đảm bảo ATCT, giữ vững và nâng cao chất lượng duy tu bảo dưỡng cầu đường, Công ty đã chủ động đẩy mạnh tìm kiếm ký kết thi công các công trình trong và ngoài ngành đường sắt để tăng doanh thu, lợi nhuận, thu nhập cho CBCNV, cụ thể:

- Sản lượng đạt: 155,058 tỷ đồng, đạt 112% so với năm 2018.
- Tiền lương CBCNV đạt 9.205.000đồng/người/tháng tăng 15% so với năm 2018.
- Lợi nhuận đạt 3,387 tỷ đồng đạt 103% kế hoạch được duyệt, tăng 40% so với năm 2018.
- 100% người lao động có việc làm ổn định.

Về mặt quản trị doanh nghiệp, Công ty luôn giữ vững nguyên tắc công khai minh bạch các hoạt động SXKD trên cơ sở áp dụng các chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại. Năm 2019, bên cạnh việc tiếp tục duy trì có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015.

Bộ máy kiểm soát đã triển khai với cách tiếp cận mới trong công tác kiểm soát, góp phần hoàn thiện và nâng cao công tác quản trị rủi ro trong các hoạt động SXKD của Công ty.

### ***1.3. Những tồn tại, hạn chế cần khắc phục:***

Bên cạnh những thành tựu và kết quả đạt được trong năm 2019, HĐQT đánh giá công ty vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục, cụ thể như sau: việc thanh quyết toán các công trình và thu hồi công nợ còn chậm, việc tìm kiếm công trình ngoài chưa được nhiều, còn để xảy ra một vụ tẩu trệt bánh.

### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:**

Ban giám đốc Công ty được giao quản lý, phụ trách các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty; các Đội DTCD, Phân đoạn Hải Vân, Xí nghiệp đã chỉ đạo hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2019 của các đơn vị, đóng góp vào việc hoàn thành kế hoạch chung của Công ty năm 2019 đã đề ra.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

Theo nhận định của nhiều tổ chức và chuyên gia kinh tế, triển vọng của nền kinh tế Việt Nam năm 2020 được dự báo tăng trưởng bằng năm 2019, tuy nhiên nền kinh tế của chúng ta vẫn còn đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức, bên cạnh việc thực hiện mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, chúng ta cần phải duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức hợp lý. Vấn đề nợ xấu, hàng tồn kho, đình đốn sản xuất... vẫn tiếp tục là những khó khăn phải đối mặt. Năm 2020, cũng sẽ là năm thực sự khó khăn và thách thức với công ty nói riêng và ngành đường sắt nói chung, khi mà ngành đường sắt đang tiếp tục tái cơ cấu, thay đổi cơ cấu tổ chức cấp Tổng công ty, tiếp tục thoái vốn nhà nước tại một số doanh nghiệp, chưa có nhà đầu tư chiến lược, có uy tín đầu tư vào đường sắt, thị phần vận tải hành khách của ngành đường sắt chưa được mở rộng. Trước những khó khăn thách thức đó, HĐQT sẽ cùng với Ban điều hành công ty và tập thể CBCNV nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp, để hoàn thành các chỉ tiêu của năm 2020, cụ thể:

- Giữ vững chất lượng cầu đường, giảm số điểm xóc lắc dưới 50 điểm/Km đảm bảo an toàn

chạy tàu, không có tai nạn chạy tàu do chủ quan gây ra.

- Sản lượng tăng 3%
- Doanh thu tăng 10%.
- Lợi nhuận sau thuế tăng 5% trở lên.
- Thu nhập tăng 5%.
- Đảm bảo 100% người lao động có việc làm ổn định.
- Tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý

nội bộ.

- Tiếp tục thực hiện công tác tái cơ cấu doanh nghiệp theo lộ trình Tổng công ty ĐSVN.

## V. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY:

### 1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Thực hiện quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, quy chế hoạt động của HĐQT. Trong năm 2019 HĐQT đã tổ chức 25 cuộc họp HĐQT và HĐQT mở rộng với sự tham gia của các cán bộ chủ chốt Công ty: Ban Giám đốc, Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, các trưởng phó phòng ban nghiệp vụ; ban hành 25 nghị quyết, 16 quyết định, chỉ đạo xây dựng, thông qua nhiều quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến việc chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019 và những năm tiếp theo. Các Nghị quyết được HĐQT thống nhất tại cuộc họp là định hướng quan trọng để Ban điều hành công ty tổ chức thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD của Công ty. Ngoài các cuộc họp nêu trên HĐQT đã thông qua các quyết định theo hình thức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để chỉ đạo, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, đồng thời chỉ đạo, quản lý giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc thực thi các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, HĐQT đã chọn đơn vị kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2019 là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc.

Việc công bố thông tin theo quy định cũng đã được HĐQT đôn đốc, nhắc nhở và kiểm tra thường xuyên, đảm bảo các thông tin được công bố đúng thời hạn, chính xác, đầy đủ.

#### \* Công tác giám sát đối với Giám đốc công ty:

Các Nghị quyết của HĐQT giao cho giám đốc thực hiện đều được HĐQT đôn đốc, kiểm tra. HĐQT đã có các cuộc họp cùng với Ban giám đốc xây dựng, điều hành các chỉ tiêu sản xuất cho phù hợp với tình hình từng giai đoạn.

Mối quan hệ quản trị và điều hành Công ty giữa HĐQT và Giám đốc công ty luôn phối hợp chặt chẽ và thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ và các quy chế về quản trị công ty.

Hàng quý, Giám đốc công ty đều gửi báo cáo tài chính cho HĐQT. HĐQT cũng thường



xuyên chỉ đạo Giám đốc thực hiện công tác kiểm tra, soát xét báo cáo tài chính theo quy định, phục vụ kịp thời cho các quyết định Đại hội đồng cổ đông.

**\*Kết quả giám sát đối với cán bộ quản lý.**

Nhìn chung các cán bộ quản lý đều có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, nhiệt tình trách nhiệm trong công việc đã tham mưu cho Giám đốc kịp thời và hiệu quả.

**\* Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:**

Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ các cuộc họp, đưa ra những ý kiến khách quan góp phần vào định hướng phát triển của Công ty. Giám sát các hoạt động của Công ty và Ban điều hành công ty.

**\* Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:**

Công ty không có tiểu ban.

**2. Ban kiểm soát:**

**2.1. Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Đầu năm 2019, căn cứ Điều lệ Công ty, căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, căn cứ đặc điểm tình hình của Công ty, Ban kiểm soát lập chương trình kiểm soát năm 2019. Ban kiểm soát triển khai thực hiện nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch lợi nhuận năm 2019 của Hội Đồng Quản Trị (HDQT) và Ban Điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm 2019 theo các nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2019.

- Kiểm tra và giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HDQT và Ban Điều hành.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo 6 tháng và Báo cáo tài chính của Công ty năm 2019 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía bắc.

Trong năm 2019 Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp của Ban Kiểm soát như quy chế đã quy định, bao gồm đánh giá hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và Điều hành của Công ty trong 6 tháng đầu năm và cả năm 2019.

Ngoài ra, Trường BKS được tham dự các cuộc họp của HDQT.

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát nhận được sự phối hợp và hỗ trợ của HDQT, Ban Giám đốc cũng như các phòng ban nghiệp vụ để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao.

**2.2. Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với HDQT, Ban giám đốc:**

**\* Hội đồng quản trị:**

HDQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

Các nghị quyết của HDQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HDQT và nội



đúng của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.

Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức 25 cuộc họp, ban hành 25 nghị quyết, 16 quyết định liên quan trực tiếp đến việc định hướng sản xuất kinh doanh, công tác cán bộ, sử dụng nguồn khấu hao TSCĐ 2019, phê duyệt lựa chọn nhà thầu cho dự án đầu tư và quyết định liên quan đến sử dụng lao động, kế hoạch tiền lương năm 2019.

Về thẩm định báo cáo đánh giá công tác hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát có ý kiến như sau:

Trong năm qua, HĐQT đã tích cực triển khai nhiều nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT. Hằng quý HĐQT họp theo định kỳ, kiểm điểm việc thực hiện chương trình công tác quý trước và đề ra chương trình của quý sau, trong năm HĐQT còn có nhiều cuộc họp đột xuất. Các nội dung cuộc họp của HĐQT được thể hiện đầy đủ trong Biên bản cuộc họp và có Nghị quyết, Quyết định của HĐQT giao cho Giám đốc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai, HĐQT kiểm tra giám sát, đôn đốc thực hiện.

Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2019 về các mặt của Công ty, trong đó nêu rõ những khó khăn tác động trong năm, những kết quả, tiến bộ đạt được, đồng thời nêu rõ những vấn đề còn tồn tại chưa hoàn thành và đề ra các giải pháp thực hiện trong năm 2020.

**\* Ban Giám đốc và cán bộ quản lý:**

Ban Kiểm Soát nhận thấy rằng Ban Giám đốc đã thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty với hiệu quả tương đối ổn định và tuân thủ đúng các nghị quyết của HĐQT.

Giám đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT giao. Giám đốc hợp Ban điều hành bàn bạc, thống nhất phân công, chỉ đạo các phòng ban, đơn vị trực thuộc triển khai cụ thể các nội dung Nghị quyết, Quyết định của HĐQT giao.

Nhìn chung các cán bộ quản lý đều có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, nhiệt tình, có trách nhiệm.

## **VI. Báo cáo tài chính**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM – ĐÀ NẴNG  
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	2 - 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 - 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 24



Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Công ty) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

#### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400259705 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 03/12/2010, đăng ký thay đổi lần 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27/06/2019. Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng do cổ phần hóa theo quyết định của Bộ Giao thông vận tải: Công ty con thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Ngày 04/01/2016, Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Vốn điều lệ: 15.775.000.000 VND  
Số lượng cổ phiếu: 1.577.500 cổ phiếu  
Mệnh giá: 10.000 VND  
Mã chứng khoán: DNR

Trụ sở chính của Công ty tại số 196 đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động quản lý bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường sắt.

#### Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Đại thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Tý	Chủ tịch HĐQT	
Ông Nguyễn Xuân Phú	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 22/03/2019
Ông Nguyễn Xuân Bình	Thành viên HĐQT	Nghỉ hưu từ ngày 01/01/2019
Ông Huỳnh Văn Sơn	Thành viên HĐQT	

##### Ban kiểm soát

Đã Nguyễn Thị Thu Hương	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Đỗ Quốc Khanh	Thành viên Ban kiểm soát
Đã Võ Thị Hồng Linh	Thành viên Ban kiểm soát

##### Ban điều hành, quản lý

Ông Nguyễn Xuân Phú	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/05/2019
Ông Nguyễn Xuân Bình	Giám đốc	Nghỉ hưu từ ngày 01/01/2019
Ông Huỳnh Văn Sơn	Phó Giám đốc	
Ông Huỳnh Văn Sơn	Quyền Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2019 Miễn nhiệm ngày 20/05/2019
Ông Kiều Thương	Phó Giám đốc	Chậm dứt HĐLĐ ngày 01/05/2019
Ông Huỳnh Văn Việt	Phó Giám đốc	
Ông Trần Minh Nghĩa	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/10/2019
Đã Phan Thị Lan Hương	Kế toán trưởng	

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Huỳnh Văn Sơn - Giám đốc (đến hết ngày 20/06/2019) và Ông Nguyễn Xuân Phú - Giám đốc kể từ ngày 20/06/2019)

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý hệ thống tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trong đó đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hiệu quả nhằm hạn chế rủi ro, rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các rủi ro định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Xuân Phú

Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 02 năm 2020



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Accounting Co., Ltd  
Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International



Số: CT0/2020/BCKT-PB.00013

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 22 tháng 02 năm 2020 từ trang 06 đến trang 14, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm tra về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Phạm Tuấn Vũ**

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2030-2018-009-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2020

**Đặng Ngọc Khánh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 1505-2019-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM – ĐÀ NẴNG  
Số 136 đường Lê Hồng - Thành phố Đà Nẵng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2019	01/01/2019
<b>A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>62.592.097.448</b>	<b>53.707.801.785</b>
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	<b>110</b>	5.1	<b>1.544.436.556</b>	<b>2.342.607.650</b>
1. Tiền	111		644.436.556	42.407.650
2. Các khoản tương đương tiền	112		900.000.000	1.000.000.000
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	<b>120</b>			
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	<b>130</b>		<b>52.710.645.499</b>	<b>41.578.163.248</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	51.097.969.700	31.458.238.743
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	112.746.800	138.630.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	2.318.660.052	1.358.211.316
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(818.931.053)	(82.162.871)
IV/ Hàng tồn kho	<b>140</b>	5.6	<b>8.227.067.361</b>	<b>11.070.022.505</b>
1. Hàng tồn kho	141		8.227.067.361	11.070.022.505
V/ Tài sản ngắn hạn khác	<b>150</b>		<b>109.948.032</b>	<b>717.008.382</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	109.948.032	717.008.382
<b>B/ TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>9.864.355.345</b>	<b>11.251.160.547</b>
I/ Các khoản phải thu dài hạn	<b>210</b>			
II/ Tài sản cố định	<b>220</b>		<b>9.219.939.771</b>	<b>8.589.642.305</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	8.129.561.475	8.478.644.009
- Nguyên giá	222		27.562.623.215	26.328.810.487
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.433.061.740)	(17.850.166.478)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	1.090.378.296	1.110.998.296
- Nguyên giá	228		1.166.108.557	1.166.108.557
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(75.730.261)	(45.110.261)
III/ Bất động sản đầu tư	<b>230</b>			
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	<b>240</b>		<b>644.415.574</b>	<b>361.518.242</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	5.0	644.415.574	344.415.574
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			17.102.668
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	<b>250</b>			
VI/ Tài sản dài hạn khác	<b>260</b>			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>72.456.452.793</b>	<b>63.958.962.332</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 196 Đường Lê Phong - Thành phố Đà Nẵng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị: VND	
			31/12/2019	01/01/2019
<b>C/ NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>52.528.567.831</b>	<b>45.419.719.106</b>
<b>I/ Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>52.528.567.831</b>	<b>45.419.719.106</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	19.040.204.140	20.940.100.804
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	242.769.883	20.100.16.283
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	4.088.977.862	3.764.443.251
4. Phải trả người lao động	314		23.646.599.047	13.102.883.851
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	121.949.408	178.080.630
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	861.040.453	1.240.990.949
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	3.642.238.000	1.799.000.000
8. Quĩ khen thưởng phúc lợi	322		581.195.048	461.200.100
<b>II/ Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
<b>D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>19.927.884.962</b>	<b>11.539.243.226</b>
<b>I/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.16	<b>19.927.884.962</b>	<b>11.539.243.226</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.775.000.000	15.775.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.775.000.000	15.775.000.000
2. Quĩ đầu tư phát triển	418		769.831.300	353.231.300
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.387.053.662	410.911.926
- LNST ch và phân phối kỳ này	421a		3.387.053.662	410.911.926
<b>III/ Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>72.456.452.793</b>	<b>61.958.962.332</b>



Nguyễn Xuân Phú  
Giám đốc  
Đà Nẵng, ngày 24 tháng 02 năm 2020

Phan Thị Lâm Hương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Hà  
Người lập biểu



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chi tiêu	Mã số	TM	Đơn vị tính: VNĐ	
			Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.1	132.914.508.109	121.034.031.073
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		132.914.508.109	121.034.031.073
4. Giá vốn hàng bán	11	1.2	111.355.902.380	111.486.619.002
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.558.605.729	21.544.412.070
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.3	181.237.711	180.071.473
7. Chi phí tài chính	22	1.4	162.974.975	151.876.108
Tổng số: Chi phí lãi vay	23		162.974.975	171.809.108
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	1.5	17.215.162.864	14.530.572.110
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.361.705.807	5.012.332.325
11. Thu nhập khác	31	1.6	129.765.273	149.071.254
12. Chi phí khác	32	1.7	243.894.808	520.920.753
13. Lợi nhuận khác	40		(114.129.535)	(1.571.099.499)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.247.576.272	3.341.202.826
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.8	880.522.610	930.290.900
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.367.053.662	2.410.911.926
18. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.9	1.743	1.761
19. Lợi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.9	1.743	1.061



Nguyễn Xuân Phú  
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 02 năm 2020

Phan Thị Lan Hương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Hà  
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM – ĐÀ NẴNG

Số 116 đường Hà Trưng, Thành phố Đà Nẵng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

		Đơn vị: VND		
	Chỉ tiêu	TIS	Năm 2019	Năm 2018
I.	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1.	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	31	4.247.576.272	3.341.202.826
2.	<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	32	1.538.475.262	1.641.849.995
-	Các khoản dự phòng	33	460.748.181	192.175.633
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	35	(181.237.717)	(138.171.473)
-	Chi phí lãi vay	36	(62.974.971)	(31.609.108)
3.	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	38	<b>6.321.536.974</b>	<b>5.216.707.389</b>
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	39	(12.582.815.295)	(9.589.117.515)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	40	1.842.955.144	2.311.309.661
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	41	5.885.725.498	1.879.493.059
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	42	507.060.350	289.243.640
-	Tiền lãi vay đã trả	43	(165.495.197)	(111.909.108)
-	Thuế TNDN đã nộp	44	(844.251.090)	(589.108.663)
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	45	(828.730.054)	(531.100.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	46	<b>137.912.326</b>	<b>1.424.869.023</b>
II.	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	47		(211.027.218)
2.	Tiền thu từ cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	48	174.902.580	130.071.471
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	49	<b>174.902.580</b>	<b>1.091.755.745</b>
III.	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1.	Tiền thu từ đi vay	50	14.255.531.000	17.616.425.000
2.	Tiền trả nợ gốc vay	51	(4.118.098.000)	(7.281.420.000)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	52	(1.258.224.000)	(1.148.150.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	53	<b>(1.110.986.000)</b>	<b>446.309.960</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	54	<b>(798.171.094)</b>	<b>779.423.238</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	55	<b>2.342.897.650</b>	<b>1.563.184.412</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	56	<b>1.544.436.556</b>	<b>2.342.607.650</b>



Nguyễn Xuân Phú  
Giám đốc  
Đà Nẵng, ngày 24 tháng 02 năm 2020

Phan Thị Lan Hương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Hà  
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM – ĐÀ NẴNG

Số 196 Đường Hải Phòng – Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính kèm theo.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400219705 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp tại địa chỉ ngày 03/12/2016, đăng ký thay đổi lần 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27/06/2019.

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng do cổ phần hóa theo quyết định của Bộ Giao thông vận tải và công ty con thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Ngày 04/01/2016, Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 5 là 15.775.000.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên sàn Upcom từ ngày 05/04/2016 với mã chứng khoán là DNR, số lượng cổ phiếu là 1.577.500 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại số 196 đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động quản lý bảo trì và kết cấu hạ tầng đường sắt.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, Quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, Xây dựng công trình giao thông đường sắt, đường bộ, công trình thủy lợi, công trình dây truyền tải điện và trạm biến áp.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ, Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tài nạn giao thông đường sắt.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm 2019 không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

**1.6 Cấu trúc Công ty**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chủ yếu
Xí nghiệp Xây dựng Công trình và Kinh doanh Dịch vụ	Số 196, đường Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng	Theo hoạt động đăng ký kinh doanh của Công ty

**1.7 Nhân viên**

Số lao động bình quân trong năm 2019 là 566 người, năm 2018 là 528 người. Số lao động trực tiếp tại ngày 31/12/2019 là 579 người, tại ngày 01/01/2019 là 577 người.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM – ĐÀ NẴNG  
Số 1 Kì Đường Hà Trưng - Thành phố Đà Nẵng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

#### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích trừ các thông tin liên quan đến các sự kiện.

#### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn, có thời hạn thu hồi không quá 1 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị, độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách phải nhận hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM – ĐÀ NẴNG

Số 116 Đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Tăng giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp, trừ phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ bán cuối kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định trình lên trên hình thức tài sản, đó vào hàng tài sản sang sử dụng. Các chi phí phát sinh sau đó, không bán đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xác định và tài sản phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 34/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nhà cửa, vật kiến trúc	Số năm
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị vận phòng	03 - 08

**4.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa, phục hồi tài sản

Các chi phí sửa chữa, phục hồi tài sản phát sinh được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 136 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

*Chi phí lãi trước khác*

Các chi phí khác phát sinh được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian tính từ không quá 03 năm.

**4.7 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả thì nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kê khai và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí giải quyết kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trong nước không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến việc mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**4.8 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kỳ cấp vay và về kỳ hạn trả nợ của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tất theo nguyên tệ.

**4.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay nặng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí xây dựng và chi phí quản lý quyết phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản dở dang. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân giá quyền của các khoản vay chưa trả tổng kỳ, ngoại trừ các khoản vay nặng phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**4.10 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

**4.11 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông quyết.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM – ĐÀ NẴNG**

Số 136 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được căn cứ trên các khoản mục phí tiền tệ năm trong sơ chuẩn sâu thuế chưa phân phối, có thể ảnh hưởng đến lương nền và việc nâng chi trả cổ tức từ lợi nhuận đánh giá lại tài sản trong đi góp vốn. Lợi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng, Hội đồng Quản lý duyệt.

**4.12. Doanh thu và thu nhập****Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và kỳ xuất thực tế từng kỳ.

**4.13. Thuế thu nhập doanh nghiệp****Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế chính sách ưu đãi với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chi phí trừ giảm theo giữa thuế và kế toán. Các chi-

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 136 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển

**4.14 Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có tài sản và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có tài sản và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**4.15 Công cụ tài chính***Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

*Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phải sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu, theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

**4.16 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định và các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thất trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM – ĐÀ NẴNG  
Số 196 Đường Lê Phong - Thành phố Đà Nẵng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

##### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	111.296.858	64.518.818
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	533.139.899	278.019.832
Các khoản tương đương tiền	900.000.000	1.000.000.000
Tiền gửi kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	900.000.000	2.630.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.544.436.756</b>	<b>3.422.607.650</b>

##### 5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>44.090.396.614</b>		<b>30.331.294.142</b>	
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	35.047.533.714		22.729.784.421	
Chi nhánh vận tải Đường sắt Đà Nẵng - Công ty CP Vận tải Đường sắt Sài Gòn			136.278.000	
Công ty CP Đường sắt Nghệ An	703.193.000		873.883.422	
Công ty CP TTH Đường sắt Đà Nẵng	1.808.801.600		458.482.000	
Ban QLDA Đường sắt Khu vực 2	8.432.868.300		8.432.868.300	
<b>Các bên khác</b>	<b>7.097.573.088</b>	<b>(818.101.053)</b>	<b>8.136.914.601</b>	<b>(116.382.871)</b>
Công ty CP Công trình 875	938.631.700		1.038.631.700	
Công ty TNHH Thanh Tùng	38.000.000		1.274.040.000	
Các khoản phải thu khách hàng khác	6.030.941.388	(818.101.053)	5.824.242.901	(116.382.871)
<b>Cộng</b>	<b>51.097.969.700</b>	<b>(818.101.053)</b>	<b>38.468.208.743</b>	<b>(116.382.871)</b>

##### 5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Các bên liên quan</b>			<b>79.860.000</b>	
Công ty CP Vận tải ĐS Sài Gòn-Hoa văn ga Núi Thành			79.860.000	
<b>Các bên khác</b>	<b>112.746.800</b>		<b>25.800.000</b>	<b>(15.800.000)</b>
Công ty TNHH Tài Hữu Phú			25.800.000	(15.800.000)
Công ty TNHH Khánh Đông	78.000.000			
Công ty TNHH thi công Nhật Hưng	34.746.800			
<b>Cộng</b>	<b>112.746.800</b>		<b>105.660.000</b>	<b>(15.800.000)</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM – ĐÀ NẴNG

Số 126 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.4 Phải thu khác ngắn hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>1.931.077.182</b>	-	<b>1.482.970.182</b>	-
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	1.931.077.182	-	1.482.970.182	-
<b>Các bên khác</b>	<b>387.782.870</b>	-	<b>883.507.194</b>	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	3.180.822	-	-	-
Kỳ quỹ, kỳ cước	243.154.315	-	781.352.900	-
Tiền tạm ứng của CBNV	-	-	3.480.000	-
Tiền bảo hiểm nộp thừa	2.723.946	-	-	-
Phải thu khác	138.723.785	-	98.694.294	-
<b>Cộng</b>	<b>2.318.860.052</b>	-	<b>2.366.477.376</b>	-

**5.5 Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	31/12/2019		Thời gian quá hạn	01/01/2019	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Bên liên quan</b>						
<b>Các bên khác</b>		<b>818.931.053</b>	<b>818.931.053</b>	<b>818.931.053</b>	<b>362.182.871</b>	
Công ty TNHH Trọng Hoàng	trên 3 năm	55.050.000	55.050.000	55.050.000	55.050.000	
Công ty Sông Thu	trên 3 năm	25.506.175	25.506.175	25.506.175	25.506.175	
Công ty CP Xây dựng Công trình và Đầu tư 120	trên 3 năm	61.340.000	61.340.000	61.340.000	61.340.000	
Công ty TNHH Weikensan Phan Bư Mạnh	trên 3 năm	20.771.763	20.771.763	20.771.763	20.771.763	
Công ty TNHH Tân Hữu Phú	trên 3 năm	25.800.000	25.800.000	25.800.000	25.100.000	
Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 1	trên 3 năm	173.714.933	173.714.933	173.714.933	173.714.933	
Công ty cổ phần Đầu tư XD số 8	trên 3 năm	456.748.182	456.748.182	456.748.182	-	
<b>Cộng</b>		<b>818.931.053</b>	<b>818.931.053</b>	<b>818.931.053</b>	<b>362.182.871</b>	

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Số dư đầu năm	362.182.871	70.065.938
Trích lập trong năm	456.748.182	92.116.933
Hoàn nhập trong năm	-	-
Điều chỉnh khác	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>818.931.053</b>	<b>362.182.871</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM – ĐÀ NẴNG

Số 196 đường Lê Phóng - Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.6 Hàng tồn kho****5.6.1 Hàng tồn kho**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Đư phòng VND	Giá gốc VNĐ	Đư phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.153.515.354	-	7.367.116.191	-
Công cụ, dụng cụ	1.065.407.985	-	1.182.038.516	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.008.144.121	-	1.520.867.628	-
<b>Cộng</b>	<b>8.227.067.460</b>	<b>-</b>	<b>10.070.022.335</b>	<b>-</b>

**Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Giá công hàng thu hồi dự án K1 + K2 (2015)	1.122.156.781	1.011.951.392
Công trình cứu chữa khắc phục báo lỗi số 14/2018 km 757-759	-	2.092.216.248
Công trình thuê quản lý, vận hành, thực báo chân ĐN km 804+614	669.141.635	-
Các dự án khác	211.845.705	212.695.990
<b>Cộng</b>	<b>2.008.144.121</b>	<b>1.520.867.628</b>

**5.6.2 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

	31/12/2019 Giá gốc VND	01/01/2019 Giá gốc VND
CT tháo dỡ lắp đặt 4 bộ ghi Nồng Sơn km 612+630	389.540.853	319.540.853
CT thi công lắp đặt ống cống km 664+345	153.467.448	153.467.448
CT đường ngang km 787+610 - Bệnh viện ung thư	121.407.273	121.407.273
<b>Cộng</b>	<b>644.415.574</b>	<b>644.415.574</b>

**5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dụng	-	232.721.600
Chi phí sửa chữa tài sản	-	221.188.182
Chi phí thuê bảo internet	56.879.433	170.638.300
Các khoản khác	53.068.599	87.855.300
<b>Cộng</b>	<b>109.948.032</b>	<b>717.008.382</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 155 đường Hồ Chí Minh - Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYỄN GIA</b>					
Số dư tại 01/01/2019	10.599.231.695	8.345.761.067	7.018.403.159	363.454.546	26.326.850.467
Mua trong năm	-	1.265.772.728	-	-	1.265.772.728
Số dư tại 31/12/2019	10.599.231.695	9.611.533.815	7.018.403.159	363.454.546	27.592.623.215
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN</b>					
Số dư tại 01/01/2019	6.820.880.588	5.707.631.596	6.231.361.110	91.033.182	17.850.906.476
Khấu hao trong năm	530.424.025	582.968.395	461.399.242	47.372.000	1.612.163.762
Thanh lý, nhượng lại	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	7.351.305.213	6.290.599.993	6.692.760.352	138.405.182	19.463.061.740
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư tại 01/01/2019	3.778.351.107	2.638.129.469	1.787.042.049	272.421.364	8.475.944.009
Số dư tại 31/12/2019	3.247.926.482	3.320.933.822	1.335.651.807	225.049.364	8.129.561.475

\* Nguyên giá I-SCD Hạng hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2019 là 9.000.000 VND, tại 01/01/2019 là 3.220.193.532 VND



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## 5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2019	1.166.108.557	1.166.108.557
Mua trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2019	<u>1.166.108.557</u>	<u>1.166.108.557</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
Số dư tại 01/01/2019	52.410.261	52.410.261
Khấu hao trong năm	23.320.000	23.320.000
Số dư tại 31/12/2019	<u>75.730.261</u>	<u>75.730.261</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư tại 01/01/2019	1.113.698.296	1.113.698.296
Số dư tại 31/12/2019	<u>1.090.378.296</u>	<u>1.090.378.296</u>

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2019 là 0 VND, tại 01/01/2019 là 0 VND

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 126 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.10 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số cơ khả năng trả nợ	Giá trị	Số cơ khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>1.380.356.721</b>	<b>1.380.356.721</b>	<b>2.554.887.441</b>	<b>2.554.887.441</b>
Công ty CP Xe lửa Gia Lâm - XN Cao su Đường sắt	-	-	174.729.200	174.729.200
Trương Cao đồng Đường sắt - Phân hiệu Đà Nẵng	274.860.000	274.860.000	17.500.000	17.500.000
CN Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam- XN Đầu máy Yên Viên	27.604.321	27.604.321	27.604.321	27.604.321
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	-	-	1.703.935.920	1.703.935.920
Công ty CP TNHH Đường sắt Đà Nẵng	631.118.000	631.118.000	631.118.000	631.118.000
CN công ty CP vận tải Đường sắt Sài Gòn- XN toa xe Đà Nẵng	147.666.000	147.666.000	-	-
CN công ty CP Đường sắt Quảng Bình- XN SX vật liệu và XD tổng hợp	299.109.400	299.109.400	-	-
<b>Các bên khác</b>	<b>17.659.647.419</b>	<b>17.659.647.419</b>	<b>17.788.816.162</b>	<b>17.788.816.162</b>
Công ty TNHH MTV vật tư Đường sắt Đà Nẵng	5.486.289.617	5.486.289.617	5.743.519.197	5.743.519.197
Công ty CP Cơ khí Đường sắt Đà Nẵng	2.694.377.236	2.694.377.236	3.808.207.878	3.808.207.878
Công ty TNHH Vật tư Đường sắt Nghệ Tĩnh	2.728.221.656	2.728.221.656	1.362.804.187	1.362.804.187
Công ty Cổ phần cơ khí cầu đường Hà Ninh	1.178.489.980	1.178.489.980	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và thương mại MEC Việt Nam	1.091.631.290	1.091.631.290	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	4.480.837.240	4.480.837.240	6.814.284.901	6.814.284.901
<b>Cộng</b>	<b>19.040.204.140</b>	<b>19.040.204.140</b>	<b>20.343.703.604</b>	<b>20.343.703.604</b>

**5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số cơ khả năng trả nợ	Giá trị	Số cơ khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>242.768.883</b>	<b>242.768.883</b>	<b>418.566.883</b>	<b>418.566.883</b>
Công ty CP Đường sắt Bình Thị Thiên	242.768.883	242.768.883	418.566.883	418.566.883
<b>Các bên khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>93.250.000</b>	<b>93.250.000</b>
Công ty CP Đạt Thương	-	-	93.250.000	93.250.000
<b>Cộng</b>	<b>242.768.883</b>	<b>242.768.883</b>	<b>511.816.883</b>	<b>511.816.883</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM – ĐÀ NẴNG

Số 198 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.12 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí lãi tiền vay	23.329.408	25.810.630
Chi phí trên ăn giữa ca, bồi dưỡng hiện vật (vệ sinh lao động)	104.620.000	97.348.000
Chi phí vận chuyển đã	-	58.104.000
<b>Cộng</b>	<b>127.949.408</b>	<b>178.980.630</b>

**5.13 Phải trả khác**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các bên liên quan</b>				
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	524.039.448	524.039.448	2.293.580.455	2.293.580.455
<b>Các bên khác</b>	337.001.005	337.001.005	830.510.490	830.510.490
Kinh phí công đoạn	157.530.000	157.530.000	158.317.000	158.317.000
Bảo hiểm xã hội			286.340.659	286.340.659
Bảo hiểm y tế	46.513.840	46.513.840	43.650.324	43.650.324
Bảo hiểm thất nghiệp	13.733.905	13.733.905	14.963.647	14.963.647
Chi phí vật tư tư hội	93.630.000	93.630.000	320.536.800	320.536.800
Cổ tức phải trả	10.289.260	10.289.260	6.702.060	6.702.060
Phải trả khác	6.304.000	6.304.000		
<b>Cộng</b>	<b>861.040.453</b>	<b>861.040.453</b>	<b>3.124.090.945</b>	<b>3.124.090.945</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 106 Đường Hà Hoàng - Thành phố Đà Nẵng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## 5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	3.226.809.929	7.864.927.031	8.823.119.085	-	2.208.617.875
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	789.182.520	944.291.090	860.522.610	-	972.951.000
Thuế thu nhập cá nhân	-	69.979.403	90.919.380	126.024.403	-	34.974.390
Thuế nhà đất và liên thuế đất	-	-	1.622.330.040	1.622.330.040	-	-
Các loại Thuế khác	-	-	4.000.600	4.000.600	-	-
Phí lệ phí và các khoản khác	-	9.204.960	9.204.960	9.204.960	-	-
<b>Cộng</b>	-	<b>4.085.971.852</b>	<b>10.536.672.101</b>	<b>11.448.200.698</b>	-	<b>3.176.443.265</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 5.15 Vay và nợ thuế tại chính ngân hàng

	31/12/2019 VND	31/12/2019 VND	Trong năm VND	01/01/2019 VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	3.942.238.000	3.942.238.000	3.942.238.000	3.942.238.000
<b>Cộng</b>	<b>3.942.238.000</b>	<b>3.942.238.000</b>	<b>3.942.238.000</b>	<b>3.942.238.000</b>

(i) Hợp đồng tín dụng số 01/2018-HĐCVHMINHCT 480-ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM ngày 21/07/2018 với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng

Hạn mức khoản vay 15.000.000.000 VND.

Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 27/07/2019, thời hạn vấp của từng khoản là đã quá 06 tháng.

Mức lãi suất áp dụng để bổ sung vốn tín dụng cho vay hoạt động kinh doanh.

Lãi suất thả nổi

Vào cuối năm để số dư nợ ngân hàng của Công ty là 3.942.238.000 VND (tính đến ngày 31/12/2019) và số dư nợ ngân hàng của Công ty là 3.942.238.000 VND (tính đến ngày 31/12/2019).

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM – ĐÀ NẴNG

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## Biện pháp bảo đảm:

- Thẻ chấp toán bộ hàng tồn kho, các quyền và lợi ích phát sinh theo hợp đồng; hệ chấp số 01/2016-HĐTC/NHCT480-ĐƯỜNG SẮT QN&DN ngày 05/05/2016
- Thẻ chấp quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng mua bán hàng theo hợp đồng; hệ nhập số 02/2016-HĐTC/NHCT480-ĐƯỜNG SẮT QN&DN ngày 05/05/2016

## 5.16 Vốn chủ sở hữu

## Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại 01/01/2018</b>	<b>15.775.000.000</b>	<b>172.051.300</b>	<b>1.812.927.908</b>	<b>17.759.979.208</b>
Lãi trong năm trước	-	-	2.410.911.926	2.410.911.926
Chia cổ tức (i)	-	-	(1.151.575.000)	(1.151.575.000)
Trích lập quỹ (ii)	-	181.280.000	(661.352.908)	(480.072.908)
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>15.775.000.000</b>	<b>353.331.300</b>	<b>2.410.911.926</b>	<b>18.539.243.226</b>
<b>Số dư tại 01/01/2019</b>	<b>15.775.000.000</b>	<b>353.331.300</b>	<b>2.410.911.926</b>	<b>18.539.243.226</b>
Lãi trong năm này	-	-	3.387.053.662	3.387.053.662
Chia cổ tức (ii)	-	-	(1.282.000.000)	(1.282.000.000)
Trích lập quỹ (ii)	-	412.500.000	(1.148.911.926)	(736.411.926)
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>15.775.000.000</b>	<b>765.831.300</b>	<b>3.387.053.662</b>	<b>19.927.884.962</b>

(i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 18/04/2018.

	Số tiền VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	430.072.908
Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	50.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	181.280.000
Chia cổ tức	1.151.575.000
<b>Tổng</b>	<b>1.812.927.908</b>

(ii) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 23/04/2019.

	Số tiền VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	636.411.926
Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	100.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	412.500.000
Chia cổ tức	1.282.000.000
<b>Tổng</b>	<b>2.410.911.926</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM – ĐÀ NẴNG

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019			01/01/2019		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của công ty mẹ - Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	804.525	8.045.250.000	51%	804.525	8.045.250.000	51%
Vốn góp của cổ đông khác	772.975	7.729.750.000	49%	772.975	7.729.750.000	49%
<b>Cộng</b>	<b>1.577.500</b>	<b>15.775.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>1.577.500</b>	<b>15.775.000.000</b>	<b>100%</b>

## Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	15.775.000.000	15.115.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ		
Vốn góp giảm trong kỳ		
Vốn góp cuối kỳ	15.775.000.000	15.775.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>1.262.000.000</b>	<b>1.151.575.000</b>

## Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.577.500	1.577.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.577.500	1.577.500
Cổ phiếu phổ thông	1.577.500	1.577.500
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.577.500	1.577.500
Cổ phiếu phổ thông	1.577.500	1.577.500
Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

## 5.17 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

## 5.17.1 Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Nguyên nhân xóa sổ	Giá trị VND	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty ĐT&XD đô thị Quảng Nam	27.374.000	đã ngừng hoạt động	27.374.000	đã ngừng hoạt động
Công ty ĐT&XD CTN thuộc Bộ xây dựng	89.379.000	đã ngừng hoạt động	89.379.000	đã ngừng hoạt động
Công ty thi công cơ giới - TCT XD số 1	35.000.080	đã giải thể	35.000.080	đã giải thể
<b>Cộng</b>	<b>151.753.080</b>		<b>151.753.080</b>	



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM – ĐÀ NẴNG  
Số 116 Đường Hà Phong - Thành phố Đà Nẵng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

##### 6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

###### 6.1.1 Tổng doanh thu

	Năm 2019 VNĐ	Năm 2018 VNĐ
Doanh thu hoạt động sửa chữa thường xuyên KCHTĐS	15.070.446.858	12.188.814.964
Doanh thu hoạt động khác	17.844.061.241	845.116.089
<b>Cộng</b>	<b>32.914.508.109</b>	<b>12.103.931.073</b>

###### 6.1.2 Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2019 VNĐ	Năm 2018 VNĐ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	127.247.243.564	121.073.209.530
Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên	159.816.364	151.006.364
Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình	639.260.364	645.312.727
Chi nhánh vận tải Đường sắt Đà Nẵng - Công ty CP Vận tải Đường sắt Sài Gòn		115.712.273
Công ty CP TTH Đường sắt Đà Nẵng	2.077.025.455	1.48.670.000
<b>Cộng</b>	<b>130.123.361.747</b>	<b>121.653.875.894</b>

##### 6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VNĐ	Năm 2018 VNĐ
Giá vốn hoạt động sửa chữa thường xuyên KCHTĐS	94.469.656.036	101.644.514.531
Giá vốn hoạt động khác	16.886.246.341	2.845.024.472
<b>Cộng</b>	<b>111.355.902.380</b>	<b>108.489.539.003</b>

##### 6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VNĐ	Năm 2018 VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	181.237.717	1.007.473
<b>Cộng</b>	<b>181.237.717</b>	<b>1.007.473</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM – ĐÀ NẴNG  
Số 136 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	162.974.975	131.909.108
<b>Cộng</b>	<b>162.974.975</b>	<b>131.909.108</b>

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.590.153.191	8.044.857.300
Tiền thuê: tiền thuê sử dụng đất	1.347.024.376	1.304.541.919
Phân bổ giá trị lợi thế doanh nghiệp	-	3.121.649.7
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.277.985.097	5.090.944.394
<b>Cộng</b>	<b>17.215.162.664</b>	<b>15.530.572.110</b>

**6.6 Thu nhập khác**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Các khoản khác	129.765.273	149.821.254
<b>Cộng</b>	<b>129.765.273</b>	<b>149.821.254</b>

**6.7 Chi phí khác**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giảm trừ phí lãi vay Dự án ODA theo thông báo thẩm định quyết toán NSNN năm 2015, 2016 của Bộ Giao thông vận tải	-	1.240.003.147
Các khoản khác	243.894.808	630.917.606
<b>Cộng</b>	<b>243.894.808</b>	<b>1.870.920.753</b>

**6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.247.576.272	3.341.202.826
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	55.036.808	1.310.250.051
Các khoản điều chỉnh tăng	55.036.808	1.310.250.051
Giảm trừ giá trị tuyệt đối toàn công ty	-	1.180.000.147
Các khoản chi phí không được trừ	55.036.808	70.246.904
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>4.302.613.080</b>	<b>4.551.452.877</b>
<b>Thuế suất thuế TNDN</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>860.522.616</b>	<b>930.290.900</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM – ĐÀ NẴNG  
 Số 126 Đường Hải Phòng, Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**6.9 Lãi trên cổ phiếu**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	3.387.063.960	4.410.911.926
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	3.387.063.960	4.410.911.926
Số tích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	(638.275.000)	(736.411.926)
Cổ phiếu, phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (số phiếu)	1.577.500	1.577.500
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.743</b>	<b>1.061</b>
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm		
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.743</b>	<b>1.061</b>

(i) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dùng để tính chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và (ii) suy giảm trên cổ phiếu được xác định theo phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 của Đại hội đồng cổ đông - Nghị quyết ngày 23/04/2019 tại phiên họp thường niên năm 2019

**6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.582.711.171	31.652.214.166
Chi phí nhân công	27.490.248.025	66.448.141.871
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.835.475.262	1.701.613.995
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.390.699.832	1.462.879.575
Chi phí khác bằng tiền	17.091.222.872	12.043.262.968
Chi phí dự phòng		192.116.933
<b>Cộng</b>	<b>129.190.355.162</b>	<b>119.658.249.510</b>

**7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Các loại công cụ tài chính của Công ty**

Công ty có các tài sản tài chính như tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, nợ phải trả tài chính của Công ty, chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý mô phỏng rủi ro hợp thành như sau:

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các lượng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm có: rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro ngoại tệ giá, chẳng hạn rủi ro về giá chứng khoán.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 1 Bê Đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro về lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất của thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phi có vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

**Rủi ro về giá chứng khoán**

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của nó phụ thuộc vào:

Hiện tại, Công ty không đầu tư chứng khoán.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung (tập về vào một khách hàng nhất định).

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi Bộ phận ngân quỹ của Công ty, theo định sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các kh sản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn chênh lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản huy động, đường tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động tài của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM – ĐÀ NẴNG**

Số 190 đường Hải Phòng, Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng dưới đây tổng hợp thời gian thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thu nợ tuân dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Vay và nợ	3.942.238.000	-	-	3.942.238.000
Phải trả người bán	19.040.204.140	-	-	19.040.204.140
Phải trả khác và Chi phí phải trả	761.212.116	-	-	761.212.116
<b>Cộng</b>	<b>23.743.654.256</b>	-	-	<b>23.743.654.256</b>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Vay và nợ	3.795.000.000	-	-	3.795.000.000
Phải trả người bán	20.343.703.604	-	-	20.343.703.604
Phải trả khác và Chi phí phải trả	2.799.799.945	-	-	2.799.799.945
<b>Cộng</b>	<b>26.938.503.549</b>	-	-	<b>26.938.503.549</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng thanh toán các nguồn vốn cần thiết.

**Giá trị hợp lý**

Sơ lược giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
<b>Các khoản cho vay và phải thu</b>				
Phải thu khách hàng	50.279.038.647	58.101.815.870	50.279.038.647	58.101.815.870
Phải thu về cho vay	-	-	-	-
Phải thu khác	2.316.136.104	2.363.017.978	2.316.136.104	2.363.017.978
Tài sản tài chính cần sàng để bán	-	-	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.544.436.556	2.342.607.650	1.544.436.556	2.342.607.650
<b>Tổng cộng</b>	<b>54.139.611.307</b>	<b>62.807.441.498</b>	<b>54.139.611.307</b>	<b>62.807.441.498</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	3.942.238.000	3.795.000.000	3.942.238.000	3.795.000.000
Phải trả người bán	19.040.204.140	20.343.703.604	19.040.204.140	20.343.703.604
Phải trả khác và Chi phí phải trả	761.212.116	2.799.799.945	761.212.116	2.799.799.945
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.743.654.256</b>	<b>26.938.503.549</b>	<b>23.743.654.256</b>	<b>26.938.503.549</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân tích theo giá trị thị trường do tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoài thị trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên Báo cáo tài chính:

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG**

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin về khoản trả nợ của từng khách hàng và độ tương tự. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.

Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo.

Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư tài chính mà giá hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Các khoản vay ngân hàng mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**8.1 Các khoản cam kết, bảo lãnh**

Trong năm, Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho bất bên thứ 3 nào.

**8.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**8.2.1 Danh sách bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên	Công ty con thuộc Tổng Công ty
Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình	Công ty con thuộc Tổng Công ty
Công ty CP Đường sắt Quảng Bình - XN Sản xuất vật liệu và Xây dựng tổng hợp	Công ty con thuộc Tổng Công ty
Công ty CP Thông tin tin hiệu Đường sắt Đà Nẵng	Công ty con thuộc Tổng Công ty
Công ty CP Xe lửa Gia Lâm - XN Cao su Đường sắt	Công ty con thuộc Tổng Công ty
Công ty CP Vận tải Đường sắt Sài Gòn - XN Tọa xe - Đà Nẵng	Công ty con thuộc Tổng Công ty
Công ty CP Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Hóa vận Gia Núi Thành	Công ty con thuộc Tổng Công ty
CN TCT BSVN - Xí nghiệp đầu máy Yên Viên	Đơn vị phụ thuộc thuộc Tổng Công ty
Trung tâm Y tế Đường sắt	Đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng Công ty
Trường Cao đẳng Đường sắt - Phân hiệu Đà Nẵng	Đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng Công ty

**8.2.2 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thân trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM – ĐÀ NẴNG

Số 196 đường Hai Phong - Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	1.972.402.054	1.767.109.000

Công ty không có giao dịch và số dư phải thu/phải trả với các thành viên quản lý chủ chốt.

**8.2.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Giao dịch với các bên liên quan khác:

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh số 6.1, Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM – ĐÀ NẴNG  
 Số 106 đường Hai Phong - Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Năm 2019 VNĐ	Năm 2018 VNĐ
<b>Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam</b>		
Thu tiền hoạt động SCTX	117.071.169.042	114.996.115.078
Bù trừ công nợ phải thu, phải trả	139.141.600	141.574.878
Kinh phí hỗ trợ cảnh giới đường ngang, đảm bảo an toàn chèo lái	139.141.600	141.476.000
Chi phí thuê sử dụng tài sản		263.094.548
Chi phí thuê máy dự án Pháp		758.645.533
Thu tiền kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN HĐ số 21/QTCN-HĐ ngày 14/11/18	258.000.000	
Thu tiền bảo hiểm	1.461.904.000	
Thu tiền hợp đồng sửa chữa thay ray thép Hải Vân	8.352.959.107	
Trả tiền thuê máy dự án Pháp	3.064.781.651	
Điều chỉnh giảm chi phí thuê máy dự án Pháp năm 2018		290.419.409
Điều chỉnh giảm chi phí thuê máy nâng giết chèn đường năm 2015		2.290.113.758
Giá trị ray nhập về		2.370.614.880
Giá trị ray xuất đúng		1.638.219.078
Trả cổ tức	643.620.000	587.263.290
Trả các khoản nợ khác	500.000.000	
Trả nợ tiền ray Úc		2.000.000.000
<b>Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên</b>		
Thu tiền cung cấp dịch vụ	175.798.000	
Điều chỉnh giảm giá trị cho thuê MMTB ODA năm 2015, 2018		523.050.800
<b>Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình</b>		
Thu tiền cung cấp dịch vụ	573.683.422	
Điều chỉnh giảm giá trị cho thuê MMTB ODA năm 2015, 2018		718.512.344
<b>Công ty CP Đường sắt Quảng Bình - XN Sản xuất vật liệu và Xây dựng tổng hợp</b>		
Mua vật tư	435.554.000	341.120.000
Trả tiền mua vật tư	202.000.000	375.452.000
<b>Công ty CP TTH Đường sắt Đà Nẵng</b>		
Thu tiền cung cấp dịch vụ	836.406.400	
Thu tiền công trình cải tạo 5 ĐN km 800.810.832.839.896		200.000.000
<b>Công ty CP Xe lửa Gia Lâm - Xi nghiệp Cao su đường sắt</b>		
Trả tiền mua vật tư	174.729.200	50.000.000
<b>Công ty CP Vận tải Đường sắt Sài Gòn - XN Tọa xe Đà Nẵng</b>		
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	134.240.509	15.751.000
Trả tiền sửa chữa, bảo dưỡng		18.432.700
<b>Công ty CP Vận tải ĐS Sài Gòn- Hòa vận gà Núi Thành</b>		
Cước vận chuyển đá	1.276.558.000	1.703.600.000
Trả tiền cước vận chuyển đá	1.224.353.800	1.181.620.800
<b>CN TCT ĐSVN - Xi nghiệp đầu máy Yên Viên</b>		
Chi phí kiểm tra chất lượng cầu đường	27.604.321	25.094.827
Trả tiền kiểm tra chất lượng cầu đường	27.604.321	
<b>Trường cao đẳng Đường sắt - Phân hiệu Đà Nẵng</b>		
Chi phí đào tạo	377.130.000	17.500.000
Trả tiền đào tạo	119.770.000	55.945.000
<b>Trung tâm Y tế Đường sắt</b>		
Chi phí khám sức khỏe định kỳ		101.530.000
Trả tiền khám sức khỏe định kỳ		101.530.000
Chi phí khảo sát, đo kiểm tra môi trường LĐ	4.090.909	
Trả tiền chi phí kiểm tra MT cho TT Y tế đường sắt	4.500.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM – ĐÀ NẴNG  
Số 136 đường Hải Phòng, Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Số 02 với các liên hệ quan

Số 04 với các liên hệ quan đã nêu ở các Thuyết minh số 5, 2, 5, 3, 5, 4, 5, 10, 5, 11, 5, 13

**8.3 Báo cáo bộ phận**

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm chủ yếu là hoạt động quản lý bảo dưỡng và cầu hạ tầng đường sắt và được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không tác động các tổ phần theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**8.4 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm tra bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (CN Phú Bắc) Chi tiêu Lãi trên cổ phiếu được trình bày tại nguyên nhân như đã nêu tại mục 6.9 - Lãi trên cổ phiếu.

TT	Khoản mục	Mã số	Số theo EICKIT năm 2018	Số trình bày lại	Chênh lệch
1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.020	1.061	(29)
2	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.060	1.061	(29)

**8.5 Thông tin về hoạt động liên tục**

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định dừng chủ hoặc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**8.6 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tính chính xác và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.



Nguyễn Xuân Phú  
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 02 năm 2020

Phan Thị Lan Hương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Hà  
Người lập báo cáo

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY *dl*



**GIÁM ĐỐC**  
**Nguyễn Xuân Phú**